

**COÄNG HOAØ XAÕ HOÄI CHUÛ NGHÓA VIỆT NAM**

**Ñoác läáp - Töi do - Haiñh phuüc**

..... ❁ .....



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

**ĐƠN VỊ : CÔNG TY CP ĐTPT DV CTCC ĐỨC LONG GIA LAI**

**Địa chỉ: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, TP Pkeiku, Gia Lai**

**Mã số thuế : 5 9 0 0 4 3 7 2 5 7.**

**Gia Lai năm 2018**

## **MỤC LỤC**

<b>I. THÔNG TIN CHUNG .....</b>	<b>4</b>
<b>1. Thông tin khái quát.....</b>	<b>4</b>
<b>2. Quá trình hình thành và phát triển .....</b>	<b>4</b>
a) Việc thành lập.....	4
b) Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Công ty .....	6
<b>3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....</b>	<b>8</b>
a) Ngành nghề kinh doanh .....	8
b) Địa bàn kinh doanh .....	11
<b>4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý. ....</b>	<b>11</b>
a) Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý .....	11
b) Các công ty con, công ty liên kết.....	11
<b>5. Định hướng phát triển.....</b>	<b>13</b>
a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.....	13
b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn .....	15
c) Các mục tiêu phát triển bền vững.....	16
<b>6. Các rủi ro.....</b>	<b>17</b>
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....</b>	<b>18</b>
<b>1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....</b>	<b>18</b>
a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.....	18
b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	19
<b>2. Tổ chức và nhân sự.....</b>	<b>20</b>
a) Danh sách Ban điều hành.....	20
b) Những thay đổi trong Ban điều hành. ....	25
c) Chính sách đối với người lao động.....	27
<b>3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn .....</b>	<b>27</b>
a) Các khoản đầu tư lớn .....	27
b) Các công ty con.....	27
<b>4. Tình hình tài chính.....</b>	<b>28</b>
a) Tình hình tài chính.....	28
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	28
<b>5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....</b>	<b>29</b>
a) Cổ phần.....	29
b) Cơ cấu cổ đông .....	30

c)	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	30
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	30
a)	Chính sách liên quan đến người lao động.....	30
b)	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương. ....	31
III.	<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	31
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	31
2.	Tình hình tài chính.....	32
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	34
a)	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý: .....	34
b)	Các biện pháp kiểm soát: .....	35
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	35
a)	Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2018: .....	35
b)	Các căn cứ lập kế hoạch:.....	35
5.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty ...	36
IV.	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	37
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	37
a)	Kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017: .....	38
b)	Công tác đầu tư: .....	38
c)	Công tác khác:.....	38
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc.....	39
3.	Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2018.....	40
a)	Các mục tiêu phấn đấu.....	41
b)	Các giải pháp chủ yếu của HĐQT để chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:.....	41
4.	Tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 .....	41
a)	Hoạt động của Hội đồng quản trị: .....	41
b)	Các cuộc họp và kết luận của Hội đồng quản trị .....	42
c)	Công tác giám sát đối với các cán bộ quản lý khác: .....	44
d)	Định hướng phát triển các ngành nghề như sau: .....	45
V.	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	45
1.	Hội đồng quản trị .....	45
a)	Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị .....	45
b)	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	45
2.	Ban kiểm soát .....	45
a)	Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát .....	45

b)	Hoạt động của Ban kiểm soát.....	46
c)	Kết quả giám sát hoạt động và tài chính của công ty.....	47
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.....	48
a)	Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích.....	48
b)	Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.....	48

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa Quý Cổ đông!

Trước tiên, thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty CPĐTPT DVCTCC Đức Long Gia Lai (HNX: DL1), tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc tới quý cổ đông, khách hàng và đối tác đã đồng hành với Công ty trong suốt thời gian qua.

Công ty CPĐTPT DVCTCC Đức Long Gia Lai đã qua 12 năm hình thành và phát triển, với nhiều thành tựu đạt được rất đáng trân trọng, Công ty luôn tự hào khi luôn giữ được giá trị cốt lõi trong 12 năm qua, dù phải đối mặt với nhiều biến động kinh tế vĩ mô trong nước. Và chính trong những thách thức khắc nghiệt của thị trường và những rủi ro tiềm ẩn của môi trường kinh doanh, Công ty luôn tìm thấy những cơ hội phát triển dựa trên những lợi thế cạnh tranh từ chính năng lực nội tại của mình.

Năm 2017, là năm Công ty tiếp tục có đà phát triển và tăng trưởng, khẳng định được dấu ấn riêng của mình trên hành trình sau 12 năm thành lập. Đối với lĩnh vực dịch vụ bến bãi phục vụ trực tiếp cho hoạt động giao thông vận tải, **là một trong những mắt xích quan trọng nằm trong chuỗi cung ứng của dịch vụ Logistics, đã và đang trở thành một trong những ngành đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội hiện nay. Trong năm qua**, dịch vụ vận chuyển hàng hóa ra vào bến của Công ty đã có những bước phát triển ổn định và đầy triển vọng, các Doanh nghiệp vận chuyển ngày càng tăng nhanh về số lượng, ngày càng tạo được uy tín cho các đối tác và người sử dụng có nhu cầu về đi lại và vận chuyển hàng hóa. Dù vậy, bên cạnh những nỗ lực nói trên của doanh nghiệp thì ngành dịch vụ bến bãi vận tải vẫn còn chịu nhiều tác động khách quan, dẫn tới những khó khăn nhất định trong hoạt động kinh doanh như: Sự biến động của giá xăng dầu, tình trạng tồn tại của bến cóc, xe dù, dịch vụ vận chuyển tự phát quy mô nhỏ, xe cá nhân phát triển ồ ạt và hàng không giá rẻ với tăng suất bay ngày càng nhiều .v.v. đã ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt đối với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường bộ, trong đó Công ty chúng ta không phải là ngoại lệ.

Ngoài các lĩnh vực ngành nghề truyền thống như bến xe, bãi đỗ, sản xuất và kinh doanh thương mại... đã và đang mang lại cho Công ty những thành công và luôn duy trì tăng trưởng ổn định trong thời gian qua. Bắt đầu từ năm 2017, một lĩnh vực khác mà công ty đã bổ sung ngành nghề và đang rất quan tâm đầu tư là hoạt động Bất động sản. Đây là lĩnh vực rất kỳ vọng sẽ mang lại cho Công ty nhiều thành công trong năm tới và các năm tiếp theo. Đối với lĩnh vực này, Công ty đang tập trung hướng đến đối tượng số đông người mua có nhu cầu thực tế về giá trị và công năng của từng sản phẩm nhà ở. Qua đó, Công ty đang tập trung đẩy mạnh đầu tư các dự án bất động sản do Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại – Dịch vụ Đồng Phú Hưng đã khảo sát và thực hiện đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh, đang tập trung hoàn thiện các phương án thiết kế, hứa hẹn trong thời gian

sớm nhất công ty sẽ ra mắt các sản phẩm Bất động sản theo từng phân khúc thị trường, đem đến nhiều lựa chọn hơn cho người mua bằng các sản phẩm nhà ở có nhiều sự khác biệt, có tính cạnh tranh rất lớn về công năng và thiết kế... Tập trung chủ yếu vào các dòng sản phẩm như: Nhà ở cho những người có thu nhập trung bình ở các khu vực tập trung đông dân cư; Xây dựng các khu đô thị vệ tinh có giá trung bình và trung bình thấp với quy mô lớn tại TP.HCM, **biệt thự** nghỉ dưỡng biển **condotel** ở các thành phố biển thuộc khu vực Miền trung. v.v...

Đây là xu hướng rất tốt, có triển vọng và có tính khả thi cao, ngoài việc cung cấp cho thị trường và nhu cầu có thật về nhà ở cho số đông người tiêu dùng, hoạt động đầu tư về Bất động sản của Công ty còn rất phù hợp với chính sách hiện nay tại TP.HCM nói riêng và các thành phố lớn khác trong cả nước nói chung, ngoài việc góp phần giảm tải về hạ tầng đô thị tại các khu tập trung đông dân cư, thì việc hình thành các khu đô thị vệ tinh còn giúp kết nối hệ thống giao thông vành đai cũng như hệ thống tàu điện ngầm hiện đang thi công xây dựng tại TP. Hồ Chí Minh. Từ đó, mang lại không gian sống chất lượng hơn cho người dân, tăng cường năng lực giao thông, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương và lan tỏa kết nối liên thông qua các khu vực địa phương liên kết trong vùng.

Vì vậy trong năm 2017 này, Công ty tiếp tục phát huy những thành công đã được ghi nhận, đồng thời xây dựng các giải pháp kinh doanh phù hợp với thực tiễn và mang tính ổn định cao, củng cố và cấu trúc lại mọi nguồn lực để phát triển doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp và bền vững hơn nữa. Với triết lý “Doanh nghiệp chỉ tồn tại và phát triển khi tạo ra những giá trị phục vụ cho xã hội. Nhân sự chỉ thành công và hạnh phúc khi có những giá trị đóng góp cho doanh nghiệp, cho tổ chức”. Vì vậy Công ty xem việc tổ chức sản xuất tạo ra một sản phẩm, một dịch vụ có chất lượng như là một cam kết và yếu tố tất yếu, tạo ra niềm tin yêu của khách hàng và cộng đồng xã hội, từ đó hình thành những bước chuyển mình mạnh mẽ hơn nữa, đưa Công ty hướng đến mục tiêu “Nâng tầm cao mới - Vững tiến xa hơn”. Tất cả cán bộ nhân viên trong Công ty cùng nhau quyết tâm tạo dựng thương hiệu DL1 trở thành niềm tự hào không chỉ cho chúng ta, mà còn góp phần tạo ra nhiều giá trị vật chất, tinh thần cho toàn xã hội và sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

Mong rằng quý vị cổ đông, các đối tác cùng với toàn thể cán bộ công nhân viên đoàn kết, hết sức tin tưởng, ủng hộ HĐQT, ban điều hành trên bước đường phát triển của Công ty CPĐTPT DVCTCC Đức Long Gia Lai.

Sau một năm đầy thành công với những kết quả hết sức lạc quan, tôi xin gửi lời chân thành cảm ơn đến các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát đã có những đóng góp thiết thực về chiến lược kinh doanh; Cảm ơn các đối tác và khách hàng đã đặc trọn niềm tin vào DL1; Cảm ơn toàn thể các cán bộ CNV vì sự nghiệp trung thành, cam kết đồng hành cùng công ty và nhất là xin cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của quý cổ đông. Thành công hôm nay của Công ty CPĐTPT DVCTCC Đức Long Gia Lai, là quyết tâm làm việc hết mình, làm việc đến cùng

của nhiều thế hệ cán bộ, nhân viên và bước đầu đã hình thành một thương hiệu DL1 đã được khẳng định tên tuổi, khẳng định giá trị trên thị trường Việt Nam.

Để kết thúc những thông điệp đồng thời cũng là những lời cam kết hành động của tập thể HĐQT. Chúng tôi luôn đặt quyền lợi của cổ đông là mục tiêu phấn đấu cao nhất và cam kết sẽ luôn xứng đáng với sự tin cậy của Quý cổ đông, khách hàng và đối tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Trần Cao Châu**

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- + Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI.
- + Tên tiếng nước ngoài: DucLong GiaLai Investment and Development of Public project Service JSC.
- + Tên viết tắt: DLGL INDPS
- + Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp số: 5900437257
- + **Vốn điều lệ:** 1.011.773.530.000 đồng
- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.011.773.530.000 đồng
- + **Trụ sở chính:** 43 Lý Nam Đế, P. Trà Bá, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- + **Điện thoại:** (84.269) 3829.021                      **Fax:** (84.269) 3829.021
- + **Website:** <http://www.dl1.com.vn>
- + **Email:** [admin@duclonggroup.com](mailto:admin@duclonggroup.com)
- + Mã chứng khoán: DL1

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

#### a) Việc thành lập

❖ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai tiền thân là Chi nhánh Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai thuộc Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3911000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 20/12/2005, thay đổi lần thứ 16 ngày số 5900437257 ngày 23/11/2017.

❖ Ngày 07/11/2006, Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 61/QĐ-SGTVT v/v xếp loại Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia lai đạt tiêu chuẩn Bến xe Loại I.

❖ Ngày 29/10/2009, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

❖ Công ty chính thức được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000170 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 21/12/2007. Được thay đổi lần thứ 16 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900437257 vào ngày 23/11/2017. Tăng vốn điều lệ từ 168.924.880.000 đồng lên 1.011.773.530.000 đồng.



❖ Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 27/2010/GCNCP – VSD- 4 ngày 28/01/2010 với mã chứng khoán DL1, thay đổi lần 8 ngày 20/11/2017. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 10/03/2010.

**Quá trình tăng vốn điều lệ**

<b>STT</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Vốn điều lệ (Đồng)</b>	<b>Phương thức</b>
1.	Ngày 21/12/2007	9.500.000.000	Góp vốn thành lập công ty.
2.	Ngày 16/10/2009	15.000.000.000	Phát hành riêng lẻ thêm 5,5 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ lên 15,0 tỷ đồng.
3.	Ngày 02/12/2010	18.000.000.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2009 là 300.000 Cổ phiếu tương đương với 3 tỷ đồng.
4.	Ngày 16/01/2012	20.699.940.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2010 là 269.994 cổ phiếu tương đương với 2.699.940.000 đồng.
5.	Ngày 06/12/2012	24.839.360.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2011 là 413.942 cổ phiếu tương đương với 4.139.420.000 đồng.
6.	Ngày 15/11/2013	28.564.540.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012 là 372.590 cổ phiếu tương đương với 3.725.900.000 đồng.
7.	Ngày 12/12/2014	31.420.260.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013 là 285.572 cổ phiếu tương đương với 2.855.720.000 đồng.
8.	Ngày 01/04/2016	152.186.560.000	Phát hành 12.076.630 cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi với Công ty CP khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên tương đương với 120.766.300.000 đồng.
9.	Ngày 29/07/2016	168.924.880.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu

			năm 2015 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 1.673.832 cổ phiếu tương đương 16.738.320.000 đồng.
<b>10.</b>	23/11/2017	1.011.773.530.000	Số lượng chào bán cổ phiếu ra công chúng đã phân phối: 84.284.865 cổ phiếu, chiếm 99,79% tổng số cổ phiếu được phép chào bán. Số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu 842.848.650 đồng tăng vốn điều lệ từ 168.924.880.000 đồng lên 1.011.773.530.000 đồng.

*b) Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Công ty*

**Đợt 1: Góp vốn thành lập Công ty**

- Căn cứ Biên bản họp cổ đông sáng lập ngày 29/11/2007 về việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
- Số vốn góp: 9.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ năm trăm triệu đồng).
- Số cổ đông sáng lập: 04 cổ đông
- Vốn điều lệ: 9.500.000.000 đồng
- Trong đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai góp 8,2 tỷ đồng bằng giá trị tài sản thuộc Bến xe Đức Long Gia Lai theo Biên bản góp vốn ngày 08/01/2007 (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất).

**Đợt 2: Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng**

- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2009 ngày 15/09/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
- **Số cổ phần phát hành:** 5.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ năm trăm triệu đồng).
- **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- **Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ phần.
- **Hình thức phát hành:** Phát hành riêng lẻ (cho 94 cổ đông)
- **Đối tượng phát hành:**

- **CBCNV Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**
  - Số lượng: 337.200 cổ phần.
  - Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
  - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
  - Số lượng cổ đông: 35 người.
- **CBCNV Công ty:**
  - Số lượng: 55.000 cổ phần.
  - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
  - Số lượng cổ đông: 48 người.
- **Nhà đầu tư khác:**
  - Số lượng: 157.800 cổ phần.
  - Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
  - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
  - Số lượng cổ đông: 11 người.

- **Vốn điều lệ sau phát hành:** 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng)

**Đợt 3: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng.

 **Niêm yết:**

❖ Ngày 10/03/2010, Công ty chính thức niêm yết 1.500.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội (HNX) với mã Chứng khoán là DL1.

❖ Ngày 02/12/2010, ngày giao dịch đầu tiên của 300.000 Cổ phiếu chia cổ tức để tăng vốn điều lệ Công ty lên 18 tỷ đồng.

**Đợt 4: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ lên 20.699.940.000 VND.

**Đợt 5: Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 20.699.940.000 VND lên 24.839.360.000 đồng.

**Đợt 6: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 24.839.360.000 đồng lên 28.564.540.000 đồng.

**Đợt 7: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 10:1 nhằm tăng vốn điều lệ 28.564.540.000 từ đồng lên 31.420.260.000 đồng.

**Đợt 8: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phần:**

- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2015 số 01-NQ-ĐHCĐ ngày 29/05/2015 và Nghị quyết ĐHCĐ số 02-NQ-ĐHCĐ ngày 26/10/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

- **Số cổ phiếu phát hành:** 12.076.630 cổ phiếu

- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng một năm.

- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ.

- **Hình thức phát hành:** Phát hành riêng lẻ để hoán đổi cổ phần.

- **Đối tượng phát hành:**

• **Công ty Cổ phần Khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên**

○ Số lượng: 12.076.630 cổ phần.

○ Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng một năm.

○ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.

○ Số lượng cổ đông: 16 người.

- **Vốn điều lệ sau phát hành:** 152.816.560.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi hai tỷ, tám trăm mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

**Đợt 9: Chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư cho Cổ đông hiện hữu:**

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 100:5,5

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 100:5,5

Nhằm tăng vốn điều lệ từ 152.816.560.000 đồng lên 168.924.880.000 đồng.

**Đợt 10: Số lượng chào bán cổ phiếu ra công chúng đã phân phối: 84.284.865 cổ phiếu, chiếm 99,79% tổng số cổ phiếu được phép chào bán.**

- Số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu 842.848.650 đồng. Tăng vốn điều lệ từ 168.924.880.000 đồng lên đồng 1.011.773.530.000 đồng:

• Mua lại vốn góp Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng: 197.573.800.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 98,787%.

• Mua lại vốn góp Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng Vạn Gia Long 5.880.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 98%.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### a) Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.

Chi tiết:

- + Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước;
- + Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;

- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- ✓ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- ✓ Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Chi tiết:

- + Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu
- + Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ.

- ✓ Vận tải hành khách bằng đường bộ khác

Chi tiết:

- + Vận tải hành khách theo tuyến cố định.

- ✓ Dịch vụ ăn uống khác.
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

Chi tiết: + Vận tải hành khách bằng xe buýt.

- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- ✓ Vận tải bằng xe buýt;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- ✓ Buôn bán tổng hợp. Chi tiết: Buôn bán hàng tiêu dùng;
- ✓ Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc;
- ✓ Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không mua bán gỗ);
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- ✓ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);

- ✓ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc;
- ✓ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán phân bón;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ✓ Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá.
- ✓ Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- ✓ Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ✓ Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn cà phê;
- ✓ Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- ✓ Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- ✓ Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ✓ Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không hoạt động đấu giá);
- ✓ Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- ✓ Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh;
- ✓ Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng rừng;
- ✓ Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- ✓ Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp;
- ✓ Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Chi tiết: Chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở);
- ✓ Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ thương mại;
- ✓ Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);
- ✓ Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: May thêu công nghiệp;

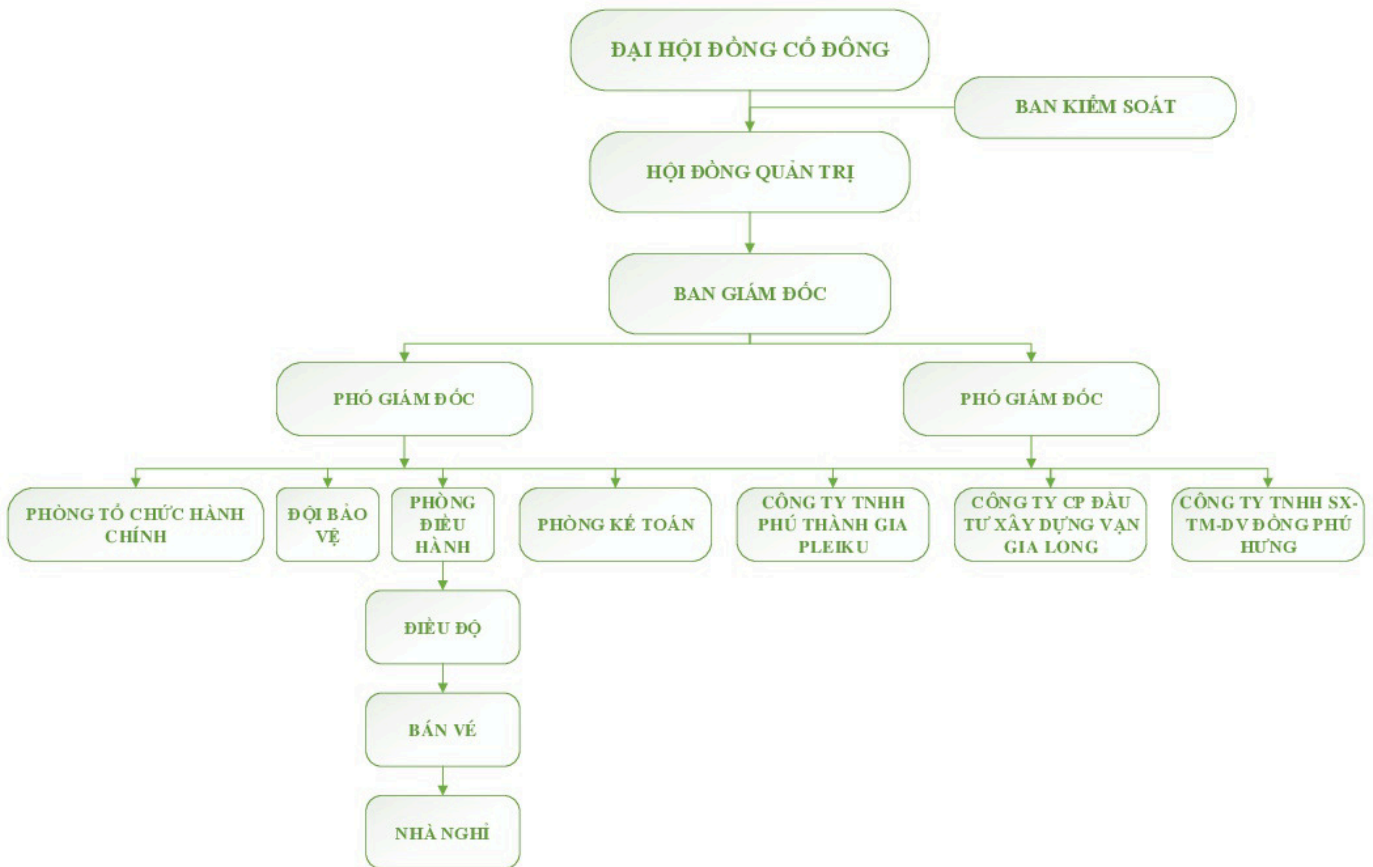
- ✓ Sản xuất các loại dây bện và lưới. Chi tiết: Dệt các loại dây phục vụ ngành may như: Dây luồn áo, dây cột giày, dây lõi để dệt dây khóa kéo;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; Hoạt động của các ngầm đường thủy.

**b) Địa bàn kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh được thực hiện chủ yếu trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Thành phố Hồ Chí Minh

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

**a) Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý**



**b) Các công ty con, công ty liên kết**

**Công ty có 4 công ty con gồm:**

- **Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên**

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 KCN Trà Đa, Xã Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, sỏi, đất sét; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác

trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

- Vốn điều lệ: 125.766.300.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 96,02%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 96,02%.
- Tình trạng hoạt động: Thoái vốn theo QĐ/18/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2018.
- Số lượng cổ phần : 12.076.630 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng ( Mười ngàn đồng /1 cổ phần )

- **Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku.**

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Gia Lai.

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Không mua bán gỗ; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Mua bán phân bón (Doanh nghiệp chỉ hoạt động ngành nghề này khi đảm bảo đầy đủ các quy định của pháp luật); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT,BT); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Bán buôn thức ăn gia súc; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

- **Công ty TNHH SX- TM- DV Đồng Phú Hưng**

- Địa chỉ trụ sở chính: 149-151 đường 9A Khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

- Hoạt động kinh doanh chính của công ty: Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Trồng cây lâu năm khác, chi tiết: Trồng cây công nghiệp, Đại lý môi giới đầu giá, chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa. Sản xuất các loại dây bện và lưới, chi tiết: Dệt các loại dây phục vụ ngành may như: dây luồn áo, dây cột giày,



dây lõi để dệt dây khóa kéo. Trồng rừng và chăm sóc rừng, chi tiết: Trồng rừng. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, chi tiết: Chế biến thức ăn gia súc (trừ chế biến thực phẩm tươi sống). Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp, chi tiết: Chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu, chi tiết: Dịch vụ thương mại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng). Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, chi tiết: Chế biến thức ăn gia súc (trừ chế biến thực phẩm tươi sống); Nuôi trồng thủy sản nội địa, chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở chính).

- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98.79%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98.79%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long.**
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chuẩn bị mặt bằng, xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động thiết kế chuyên dụng, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Trồng rừng và chăm sóc rừng, trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn nông, lâm nguyên liệu (từ tre gỗ, nứa, động vật sống); Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu; Khai thác gỗ, bán lẻ lương thực, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán buôn thực phẩm.

- Vốn điều lệ : 600.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 98%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

## **5. Định hướng phát triển**

### **a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận các chỉ tiêu của năm 2018 và các năm tiếp theo do Đại hội đồng cổ đông đề ra;

- **Công tác phục vụ:**
- Nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp vận tải và các đối tác hoạt động. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài khu vực bên xe;

- Đảm bảo tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và an toàn phòng cháy chữa cháy nổ trên bến xe;
- Đảm bảo phục vụ nhanh chóng thực tiễn, an toàn văn minh lịch sự cho khách đi lại tại bến xe;
- Các bên trong dịp nghỉ lễ, phải sạch đẹp, vệ sinh, đảm bảo công tác phòng chống dịch trên các bến xe.
- Tại các bến xe, việc sắp xếp các luồng tuyến hết sức khoa học và hợp lí, lịch trình xe chạy được thông báo rõ ràng, công tác bán vé, làm thủ tục cho xe chạy được thực hiện đúng quy định và nhanh chóng, công tác an ninh trật tự và vệ sinh môi trường luôn bảo đảm làm hài lòng khách đi xe cũng như lái, phụ xe mỗi khi vào bến;
- Cùng với hệ thống bến xe khắp các huyện trên địa bàn tỉnh Gia Lai, đội ngũ nhân lực giàu kinh nghiệm, áp dụng công nghệ thông tin vào quản lí, hệ thống kiểm soát nội bộ ngày càng được hoàn thiện và nâng cao nên trong thời gian qua Công ty luôn đạt được tốc độ tăng trưởng ấn tượng qua các năm.

- **Công tác phối hợp với các lực lượng chức năng:**

- Các bến xe phối hợp chặt chẽ với các trạm Công an bến, Công an phường, để xây dựng phương án phối hợp trật tự an ninh trên bến;
- Phối hợp với các lực lượng Công an kiểm tra và ngăn chặn việc vận chuyển chất nổ, chất cháy, hàng cấm, hàng giả, triệt phá các tệ nạn xã hội như cờ bạc, cờ mồi, rê dặt khách... Ngăn chặn và xử lý kịp thời các đối tượng gây rối trên các bến xe và thực hiện tốt công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Thực hiện phối hợp với lực lượng thanh tra giao thông vận tải giải quyết các hiện tượng xe vòng vo đón khách trước bến xe;
- Phối hợp tốt với các cơ quan chức năng, cơ quan truyền thông để xử lí các phương tiện vi phạm và đưa vào bến hoạt động đúng quy định, đảm bảo công bằng cho các doanh nghiệp và nhà xe, lập lại trật tự an toàn giao thông và an ninh trật tự trên địa bàn thành phố, đưa xe vào bến hoạt động để tăng doanh thu cho Công ty.

- **Công tác điều hành**

- Bến xe tăng cường công tác kiểm tra phương tiện theo nghị định: 86/2014NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ và các quy định hiện hành của ngành giao thông, quy định của Công ty;
- Chỉ đạo lực lượng bảo vệ trên bến xe tăng cường công tác kiểm tra, tuần tra;
- Tăng cường điện chiếu sáng bảo vệ;

- Tổng kiểm tra toàn bộ hệ thống cháy của bến và phương tiện vận tải và có phương án kịp thời xử lý sự cố xảy ra (nếu có). Bố trí lực lượng tự vệ và phòng cháy chữa cháy, thợ điện trực theo lịch của các bến;
- Xây dựng phương án tổ chức giao thông, sắp xếp và điều tiết phương tiện, triển khai kịp thời phương án tăng cường xe để giải tỏa khách trong ngày;
- Tăng cường công tác giáo dục CBCNV có thái độ phục vụ hành khách tốt với phương châm “Vui lòng khách đến - Vừa lòng khách đi.”;
- Tăng cường công tác kiểm tra các quầy dịch vụ ăn uống, kí cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Công ty tổ chức thu phí đối với các phương tiện ra vào cổng: taxi, xe con đưa đón khách, xe thô chở hàng, ... dịch vụ bến bãi vừa đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông, tránh ùn tắc trước cổng ra vào bến xe, giữ gìn vệ sinh công cộng, tạo sự yên tâm cho khách đến mua vé cũng như đưa đón người nhà;
- Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và nâng cao đời sống của người lao động.

***b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn***

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai sẽ thực hiện chiến lược thâm nhập và phát triển thị trường, lấy ngành nghề kinh doanh cốt lõi làm bàn đạp để thực hiện phát triển sang các lĩnh vực khác. Tập trung thật tốt công tác quản lý và triển khai các hoạt động dịch vụ, mở rộng kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng vượt bậc doanh thu và lợi nhuận, đáp ứng nhiều hơn nữa niềm kỳ vọng mà cổ đông tin tưởng. Trong tương lai Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai sẽ tập trung phát triển các lĩnh vực sau:

- Xây dựng và phát triển hệ thống bến xe bãi đỗ hiện đại và khu vực nhà ga hành khách khép kín, hiện đại với không gian thoáng mát tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và nhân rộng mô hình này ra cả nước theo chủ trương xã hội hóa đầu tư của Chính phủ;
- Phát triển các dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho phương tiện vận tải đường bộ;
- Phát triển kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách công cộng các tuyến nội tỉnh Gia Lai, đưa lĩnh vực này trở thành lĩnh vực kinh doanh thường xuyên của Doanh nghiệp;
- Phát triển các loại hình dịch vụ khác như cho thuê kiốt, cho thuê kho hàng hóa, cho thuê văn phòng và dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Thống nhất mục tiêu đưa doanh nghiệp phát triển bền vững là đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh ngoài ngành nghề kinh doanh truyền thống, đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư để huy động nguồn lực từ bên ngoài;
- Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai với các thế mạnh sẵn có: Những thành tựu đạt được trong các năm trước về kết quả sản xuất kinh doanh,

nguồn tài chính, chất lượng, uy tín, chất lượng nguồn nhân lực... và mô hình quản trị tiên tiến, sự minh bạch trong hệ thống tài chính, thương hiệu của doanh nghiệp niêm yết trên sàn;

- Có mục tiêu, chiến lược phát triển đúng đắn do HĐQT đề ra, được các kỳ Đại hội đồng cổ đông thông qua, là cơ sở cho việc định hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty;

- Lấn sân sang lĩnh vực bất động sản, Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai mã cổ phiếu DL1 đã thông qua phương án phát hành hơn 84 triệu cổ phiếu, tăng vốn từ 169 tỷ đồng lên tới 1.011 tỷ đồng ngay trong năm 2017 và giá trị cổ phiếu từ vùng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tăng lên 67.700 đồng/cổ phiếu tại thời điểm 29/12/2017;

- Vốn từ đợt phát hành trên 842 tỷ đồng được dùng để đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh bất động sản thông qua việc mua bán sáp nhập CTCP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long và Công ty TNHH Sản xuất thương mại Dịch vụ Đồng Phú Hưng. Đây là 2 công ty đang sở hữu các dự án BĐS tiềm năng với các vị trí đắc địa tại quận 7 và quận 8, TP.HCM :

+ Vạn Gia Long là chủ đầu tư của dự án Trung tâm thương mại – Dịch vụ và Sunshine Apartment (Golden Land) tại Quận 7, TP.HCM. Dự án được khởi công từ tháng 10/2016, dự kiến bàn giao nhà trong tháng 02/2019 (28 tháng). Dự án có diện tích khuôn viên 11.700 m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng 120.000 m<sup>2</sup>, được thiết kế gồm 28 tầng nổi và 2 tầng hầm với 1.000 căn bao gồm officetel, shophouse và căn hộ nhà ở. Tổng mức đầu tư dự án khoảng 1.500 tỷ đồng, doanh thu dự kiến gần 2.000 tỷ.

+ Công ty Đồng Phú Hưng đang là chủ đầu tư dự án Khu thương mại dịch vụ và căn hộ cao cấp DucLong NewLand tại quận 8, TP.HCM. Dự án khởi công từ tháng 12/2016, dự kiến hoàn thành và giao nhà vào tháng 03/2019 (27 tháng). Dự án có diện tích khuôn viên 8.500 m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng 85.000 m<sup>2</sup>, được thiết kế 26 tầng nổi, 2 tầng hầm. Tổng mức đầu tư dự án trên 900 tỷ đồng, doanh thu dự kiến gần 1.400 tỷ.

- Lãnh đạo DL1 cho biết, việc sáp nhập 2 công ty bất động sản, đồng thời trở thành chủ sở hữu 2 dự án Bất động sản tại quận 7, quận 8, TP.HCM là bước đi đầu tiên đánh dấu sự hiện diện của thương hiệu DL1 trên thị trường bất động sản TP.HCM. 2 dự án này khi hoàn thành và bàn giao nhà sẽ ghi nhận doanh thu 3.400 tỷ đồng và lợi nhuận gần 1.000 tỷ, tạo tiền đề để DL1 đầu tư mở rộng, tăng trưởng vượt bậc trong thời gian tới.

### ***c) Các mục tiêu phát triển bền vững***

- Để đáp ứng yêu cầu phát triển theo chiến lược đề ra, Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai cũng đã hoàn tất việc thiết lập, vận hành hệ thống chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

- CBCNV của Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tình phục vụ với phương châm “Bến xe là nhà, CBCNV là chủ”, Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai hiệu quả cao hơn áp dụng quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.
- Đưa tiên bộ khoa học kỹ thuật vào quản lý từng đầu xe, từng đơn vị tạo lập phong cách vận tải văn minh, hiện đại góp phần khẳng định và nâng cao thương hiệu của bến cũng như các đơn vị vận tải trong nước.
- Công ty luôn thu hút nguồn nhân lực lớn, giúp giải quyết vấn đề việc làm cho nhiều người trong địa phương cũng như các tỉnh lân cận.

## **6. Các rủi ro**

Năm 2017, dưới những tác động tiêu cực của nền kinh tế trên thế giới và trong nước cũng ảnh hưởng trực tiếp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Thói quen trong việc lựa chọn phương tiện di chuyển của người tiêu dùng thay đổi dẫn tới khó khăn trong công việc kinh doanh.

Các chính sách của Nhà Nước đối với các ngành nghề khoáng sản ngày càng thắt chặt bằng việc tăng các mức phí thu vào khiến tình hình sản xuất, khai thác gặp nhiều hạn chế.

Tình hình thời tiết diễn biến khắc nghiệt gây ra mưa bão, lũ lụt, ngập úng cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn chủ động theo dõi diễn biến thời tiết, môi trường để có các biện pháp hạn chế thiệt hại, đồng thời tích cực nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu và nhiên liệu xăng dầu, nếu giá nhiên liệu tăng cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các Doanh nghiệp vận tải lưu thông qua bến xe Đức Long Gia Lai, nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa có thể giảm đi hoặc chuyển sang các loại hình vận tải khác có chi phí thấp hơn. Điều này có thể ảnh hưởng đến lưu lượng xe qua bến. Do đó, rủi ro về nhiên liệu cũng gián tiếp ảnh hưởng đến doanh thu hoạt động của bến xe Đức Long Gia Lai.

Việc giá cả các loại hàng hóa tăng cũng sẽ ảnh hưởng đến công tác đầu tư xây dựng các dự án của Công ty trong thời gian tới. - Sự biến động nhanh chóng của nền kinh tế, những khó khăn vẫn còn hiện hữu cũng sẽ làm cho việc mở rộng ngành nghề kinh doanh của đơn vị phải thận trọng từ việc lựa chọn ngành nghề để mở rộng, quy mô và thời điểm,...

Thời tiết diễn biến ngày càng phức tạp cũng sẽ là những yếu tố rủi ro cho hoạt động kinh doanh vận tải khách,... ảnh hưởng trực tiếp đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp vận tải được xem là một trong những ngành chịu nhiều tác động. Ngoài ra, nhiều tuyến quốc lộ đang được sửa chữa, nâng cấp với tiến độ còn rất chậm do nhiều yếu tố và điều này càng khó khăn hơn cho các doanh nghiệp vận tải.

Nguồn lực về nhân sự quản lý của Công ty còn bị hạn chế, đội ngũ cán bộ quản lý còn mỏng, năng lực chuyên môn về quản lý còn chưa đáp ứng được với mô hình và quy mô phát triển hiện tại.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.**

Trong năm 2017, nền kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi, kinh tế trong nước tiếp tục hồi phục, lãi suất ngân hàng ổn định, thị trường chứng khoán khởi sắc, giá xăng dầu tuy có biến động nhưng ổn định hơn so với năm 2016... Tuy nhiên, vẫn còn đó một số khó khăn: Sức mua của thị trường giảm, giá cả vật tư và các mặt hàng khác có xu hướng không giảm, người dân thắt chặt chi tiêu đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và Công ty CP Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai cũng không là ngoại lệ.

Năm 2017, Nhà nước tiếp tục đầu tư cho cơ sở hạ tầng, tập trung hoàn thiện các công trình kết cấu hạ tầng giao thông trên tất cả các lĩnh vực từ đường bộ - đường sắt - cảng biển - đường thủy và hàng không; đồng thời đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm chấn chỉnh và đưa hoạt động kinh doanh vận tải vào nề nếp, như: Thực hiện mạnh mẽ công tác kiểm soát tải trọng phương tiện, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động vận tải, tạo sự hợp lý hơn trong thị phần vận tải, góp phần kiềm chế tai nạn giao thông; triển khai ký cam kết về thực hiện kiểm soát tải trọng phương tiện đến các doanh nghiệp; chấn chỉnh công tác an toàn giao thông, công tác quản lý, điều hành vận tải... Đây là các chủ trương đúng đắn, tạo ra một số thuận lợi, nhưng đồng thời cũng tạo ra không ít khó khăn cho các doanh nghiệp vận tải và bên xe khách triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình;

Ngoài các lĩnh vực ngành nghề truyền thống như bến xe, bãi đỗ, sản xuất và kinh doanh thương mại... đã và đang mang lại cho Công ty những thành công và luôn duy trì tăng trưởng ổn định trong thời gian qua. Bắt đầu từ năm 2017, một lĩnh vực khác mà công ty đã bổ sung ngành nghề và đang rất quan tâm đầu tư là hoạt động Bất động sản. Đây là lĩnh vực rất kỳ vọng sẽ mang lại cho Công ty nhiều thành công trong năm tới và các năm tiếp theo. Đối với lĩnh vực này, Công ty đang tập trung hướng đến đối tượng số đông người mua có nhu cầu thực tế về giá trị và công năng của từng sản phẩm nhà ở. Qua đó, Công ty đang tập trung đẩy mạnh đầu tư các dự án bất động sản do Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đồng Phú Hưng đã khảo sát và thực hiện đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh, đang tập trung hoàn thiện các phương án thiết kế, hứa hẹn trong thời gian sớm nhất công ty sẽ ra mắt các sản phẩm Bất động sản theo từng phân khúc thị trường, đem đến nhiều lựa chọn hơn cho người mua bằng các sản phẩm nhà ở có nhiều sự khác biệt, có tính cạnh tranh rất lớn về công năng và thiết kế... Tập trung chủ yếu vào các dòng sản phẩm như: Nhà ở cho những người có thu nhập trung bình ở các khu vực tập trung đông dân cư; Xây dựng các khu đô thị vệ tinh có giá

trung bình và trung bình thấp với quy mô lớn tại TP.HCM, biệt thự nghỉ dưỡng biển condotel ở các thành phố biển thuộc khu vực Miền trung. v.v...

Đây là xu hướng rất tốt, có triển vọng và có tính khả thi cao, ngoài việc cung cấp cho thị trường và nhu cầu có thật về nhà ở cho số đông người tiêu dùng, hoạt động đầu tư về Bất động sản của Công ty còn rất phù hợp với chính sách hiện nay tại TP.HCM nói riêng và các thành phố lớn khác trong cả nước nói chung, ngoài việc góp phần giảm tải về hạ tầng đô thị tại các khu tập trung đông dân cư, thì việc hình thành các khu đô thị vệ tinh còn giúp kết nối hệ thống giao thông vành đai cũng như hệ thống tàu điện ngầm hiện đang thi công xây dựng tại TP. Hồ Chí Minh. Từ đó, mang lại không gian sống chất lượng hơn cho người dân, tăng cường năng lực giao thông, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương và lan tỏa kết nối liên thông qua các khu vực địa phương liên kết trong vùng.

### ***b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch***

Các đơn vị kinh doanh có hiệu quả và tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Kết quả của sự tăng trưởng này là do các đơn vị thường xuyên phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương trong công tác giữ gìn an ninh trật tự và an toàn giao thông tại các bến.

Tình trạng "xe dù, bên cóc" tồn tại nhiều năm trên địa bàn thành phố Pleiku, nhất là vào dịp cuối năm, đã làm ảnh hưởng và gây không ít khó khăn cho hoạt động của Bến xe;

Tăng cường tốt công tác kiểm soát nội bộ tại các bến xe cũng như toàn Công ty áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý đạt hiệu quả cao, vận hành hệ thống camera giám sát nhằm kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động tại các bến xe, đặc biệt là kiểm soát chặt chẽ doanh thu. Tăng cường mối quan hệ với các cơ quan chức năng, các cơ quan truyền thông (báo chí, truyền hình Trung ương và địa phương), các doanh nghiệp vận tải, các bến xe tỉnh bạn để phối hợp chặt chẽ trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo an toàn giao thông. - Thực hiện cơ bản tốt và kịp thời việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT về chiến lược đầu tư dài hạn

Trước những khó khăn, HĐQT đã đề ra những chủ trương giải quyết kịp thời những vướng mắc từ thực tế, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, tập trung mọi nguồn lực, chủ động đề ra nhiều giải pháp thích hợp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã đề ra. Cụ thể như sau:

- Doanh thu đạt **233.290.966.243** đồng, đạt 106,04 % so với kế hoạch năm 2017 và tăng 1,17 lần so với cùng kỳ năm 2016.
- Lợi nhuận trước thuế đạt **20.453.211.322** đồng, đạt 81,81 % so với kế hoạch năm 2017 và 1,38 lần với cùng kỳ năm 2016.
- Lợi nhuận sau thuế: thực hiện **14.795.127.375** đồng, đạt 73,98 % so với kế hoạch năm 2017 và 1,28 lần so với cùng kỳ năm 2016.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: **533** đồng

Từ kết quả thực hiện kế hoạch năm 2017 cho thấy: Doanh thu vượt 106.04% so với kế hoạch năm 2017 là nhờ nỗ lực của Ban điều hành và đội ngũ CBCNV trong việc đẩy mạnh các hoạt động thương mại dịch vụ và các hoạt động dịch vụ vận tải: Vận động các doanh nghiệp vận tải đưa xe vào bến, giúp tăng trưởng số lượng doanh nghiệp và đầu xe đăng ký hoạt động và từ đó tăng các dịch vụ đi kèm. Do việc đề ra kế hoạch chi phí chưa thật khách quan cũng như việc kiểm soát chi phí chưa hiệu quả đã dẫn đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu lợi nhuận năm 2017 còn khá thấp so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, kết quả đạt được cũng đã thể hiện sự tăng trưởng vượt bậc so với các năm trước.

## **2. Tổ chức và nhân sự**

### **a) Danh sách Ban điều hành**

#### **Hội đồng quản trị gồm:**

- **Ông Trần Cao Châu: Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

Tên: Trần Cao Châu  
Sinh năm: 01/12/1971.  
Nơi sinh: Yên Đổ, TP Pleiku, Gia Lai  
Cư trú: 146/1 Nguyễn Văn Cừ, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai  
Điện thoại: 0905443323  
Trình độ: Cử nhân quản trị kinh doanh, trung cấp kế toán.

#### **Quá trình công tác:**

- Từ 1992 – 1997: Phó bí thư đoàn phường Yên Đổ, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Từ 1997 - 2001: Phó ban công tác thanh niên thành phố Pleiku tại Thành Đoàn Pleiku;
- Từ 2001 - 2013: Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư và kinh doanh các dự án tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên, kiêm Giám đốc chi nhánh Gia Lai tại Công ty TNHH Vinh Quang I – TP.Hồ Chí Minh;
- Từ 2013 – 2015: Kinh doanh tư nhân;
- Từ 2015– 2016: Thành viên Ban kiểm soát nội bộ CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ năm 2016 – nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

- **Ông Nguyễn Tường Cột: Giám đốc – Người đại diện pháp luật. Tỷ lệ sở hữu 5.72% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Nguyễn Tường Cột



Sinh năm: 10/10/1984  
Nguyên quán: Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định  
Cư trú: Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định  
Điện thoại: 0972756988  
Trình độ: Cử nhân Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- Từ 2006 – 8/2015: Làm việc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- Từ 9/2015 – 4/2016: Cán bộ phòng kế hoạch điều độ Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai;
- Từ 5/2016 – Nay: Giám đốc Công ty Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai;
- Từ 07/2017 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

• **Ông Hồ Hoàng Đức Huy: Ủy viên Hội đồng quản trị.**

Tên: Hồ Hoàng Đức Huy  
Sinh năm: 02/01/1977  
Nguyên quán: Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định  
Cư trú: 217 Lô C4- Chung cư Khang Gia, Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: 0947194568  
Trình độ: Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

- Từ 06/1999 – 2000: Công ty PyThis - Một công ty phần mềm ERP-ORACLE (HCM)
- Từ 2000 – 06/2001: Công ty Dignet – Một Công ty phần mềm ERP, phần mềm kế toán LEMON 3 (HCM)
- Từ 2001 – 2010: CV Sở Tài chính tỉnh Gia Lai
- Từ 2005 – 2012: Công ty cổ phần CNM
- Từ 2012 – 06/2014: Công ty cổ phần ĐT-SX-TM Huy Tuấn
- Từ 06/2014 – 2016: Công ty Đá hoa cương Ngọc Thạch Mỹ
- Từ 04/2016 – 4/2017: Công ty TNHH ĐT-XD-BDS Phú Gia Huy
- Từ 07/2017 - Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần DDPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

• **Ông Nguyễn Tuyển: Thành viên Hội đồng quản trị.**

Tên: Nguyễn Tuyển  
Sinh năm: 04/04/1961  
Nguyên Quán: Thành phố Huế  
Cư trú: 214 Phan Đình, Giót, TP Pleiku, Gia Lai  
Điện thoại: 0918994298  
Trình độ: Cử nhân kinh tế.

**Quá trình công tác:**

- Từ 05/1987- 04/1989: Phó Văn phòng ủy ban huyện An Khê
- Từ 04/1989 – 06/1993: Giám Đốc xí nghiệp giấy tại An Khê.
- Từ 06/1993 – 12/1996: Trạm trưởng Trạm trồng rừng An Khê
- Từ 12/1996 – 01/2004: Phó trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính huyện An Khê.
- Từ 11/2004 – 11/2009: Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện Đak Pơ.
- Từ 11/2009 – Nay: Chánh Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Từ 4/2017- Nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

• **Ông Chu Sỹ Hoạt: Thành viên Hội đồng quản trị. Tỷ lệ sở hữu 0,02% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Chu Sỹ Hoạt  
Sinh năm: 25/10/1972  
Nguyên quán: Hà Tĩnh  
Cư trú: Tổ 4, P. Thắng Lợi, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.  
Điện thoại: 02693.829021.  
Trình độ: Cao đẳng

**Quá trình công tác**

- Từ năm 2001 -2005: Trưởng phòng bán vé - Bến xe Liên tỉnh Gia Lai
- Từ 01/2006 – 2008: Kế hoạch điều độ - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
- Từ 2008-06/2009: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai

- Từ 07/2009 – 10/2009: Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Đức Long Gia Lai
- Từ 10/2009 – 2014: Cán bộ phòng Kế hoạch điều độ - Công ty Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai
- Từ 2014 – 5/2016: Giám đốc Công ty Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai
- Từ 5/2016 - Nay : Phó Giám đốc Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai
- Từ 05/2017 – Nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

 **Ban kiểm soát gồm:**

• **Ông Võ Sỹ Việt: Trưởng ban kiểm soát.**

Tên: Võ Sỹ Việt  
Sinh năm: 10/11/1975  
Nguyên quán: Phúc Trạch – Hương Khê – Hà Tĩnh  
Cư trú: 04/44 Tuệ Tĩnh, P.Iakring, Tp.Pleiku, Gia Lai  
Điện thoại: (0269) 382 9021  
Trình độ: Trung cấp tài chính kế toán

**Quá trình công tác:**

- Từ 12/2000 – 9/2002: Quyền Kế toán trưởng Công ty Thương Mại Huyện Chư Prông
- Từ 10/2002 – 05/2006: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Thương Mại Tây Gia Lai
- Từ 06/2006- 10/2009: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thương Mại Tây Gia Lai
- Từ 11/2009 – 12/2013: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Gạch Tuyển Bát Tràng Gia Lai
- Từ 01/2014 – 01/2016: Phó giám đốc kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Gia Lai
- Từ 5/2017 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

• **Bà Trần Thị Kim Cúc: Thành viên Ban kiểm soát. Tỷ lệ sở hữu 0,015% cổ phần có quyền biểu quyết**

Tên: Trần Thị Kim Cúc  
Sinh năm: 15/07/1982

Nguyên quán: Ân Tường Đông - Hoài Ân- Bình Định  
Cư trú: Phường Trà Bá – Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai.  
Điện thoại: (0269)3 829 021  
Trình độ: Kế toán viên.

**Quá trình công tác:**


- Từ 2006 - 2014: Nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 2009-05/2017: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 05/2017 - Nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

• **Ông Vũ Văn Nghĩa: Thành viên Ban kiểm soát.**

Tên: Vũ Văn Nghĩa  
Sinh năm: 20/01/1986  
Nguyên quán: Phú Xuyên – Hà Nội  
Cư trú: Xã Ia Kha – huyện IaGrai – Gia Lai  
Điện thoại: (0269)3 829 021  
Trình độ: Trung cấp giao thông vận tải.

**Quá trình công tác:**

- Từ 3/2009 – 11/2012: Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai
- Từ 12/2012 – 2/2014: Nhân viên thanh tra xe buýt Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai
- Từ 3/2014 – 4/2015: Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai
- Từ 5/2015 – Nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

 **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

• **Bà Hà Thị Phương Oanh: Kế toán trưởng. Tỷ lệ sở hữu 0,015% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Hà Thị Phương Oanh  
Sinh năm: 02/12/1981  
Nguyên quán: Hưng Nghĩa – Phước Nghĩa – Tuy Phước – Bình Định

Cư trú: 30/1/26 Trần Quý Cáp – Pleiku – Gia Lai  
Điện thoại: (0269)3 829 021  
Trình độ: Cao đẳng kế toán.

**Quá trình công tác:**

- Từ 2004 - 2006: Kế toán XNTD Đức Long
- Từ 2006 - Nay : Kế toán trưởng Công ty CPĐT PTDV CTCC Đức Long Gia Lai.

• **Ông Phạm Tiến Dũng: Phó Giám đốc. Tỷ lệ sở hữu 0,02% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Phạm Tiến Dũng  
Sinh năm : 24/03/1977  
Nguyên quán: Diên Yên, Diên Châu, Nghệ An.  
Cư trú: Tổ 10, P Trà Bá, TP Pleiku, Gia Lai.  
Điện thoại: 0919016995  
Trình độ: Trung cấp kinh tế giao thông vận tải.

**Quá trình công tác:**

- 2004-2006 Nhân viên Bến xe Đức Long Gia Lai
- 2006-2009 Phụ trách Kế hoạch Điều độ Bến xe Đức Long.
- 2009 – Nay: Phó Giám đốc Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

**Ông Nguyễn Tường Cột – Giám đốc**

**Ông : Chu Sỹ Hoạt – Phó Giám đốc**

Xem lại khoản a (Danh sách ban điều hành), điều 2 tổ chức và nhân sự.

**b) Những thay đổi trong Ban điều hành.**

• **Về thành viên Hội đồng quản trị**

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai diễn ra ngày 30/04/2017, Đại hội đã thống nhất miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị theo đơn xin từ nhiệm tại Đại hội.

+ Ông Lê Hoàng Ngọc: Từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT ngày 20/02/2017.

- Tiến hành bầu bổ sung 01 thành viên vào HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 gồm:

+ Ông Nguyễn Tuyên: Được bầu là Thành viên HĐQT ngày 30/04/2017

- Tại Đại hội cổ đông bất thường 2017 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai diễn ra ngày 15/07/2017, Đại hội đã thống nhất miễn nhiệm 03 thành viên Hội đồng quản trị theo đơn xin từ nhiệm tại Đại hội gồm:

- + Ông Bùi Pháp: Từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT ngày 06/06/2017;
- + Ông Phạm Anh Hùng: Từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT ngày 14/06/2017;
- + Ông Nguyễn Đình Trạc: Từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT ngày 26/06/2017

Và Đại hội tiến hành bầu bổ sung 03 thành viên vào HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 gồm:

- + Ông Hồ Hoàng Đức Huy: Bầu thành viên HĐQT ngày 15/07/2017
- + Ông Nguyễn Tường Cột: Bầu thành viên HĐQT ngày 15/07/2017.
- + Ông Chu Sỹ Hoạt: Bầu thành viên HĐQT ngày 15/07/2017.

• **Thay đổi chức danh lãnh đạo Công ty**

- Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ 2017 ngày 30/04/2017 về việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018. Theo quyết định này, HĐQT công ty thống nhất đồng ý bầu thành viên giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30/04/2017.

- + Ông Nguyễn Tuyển - Thành viên Hội đồng quản trị.

- Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ 2017 ngày 15/07/2017 về việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018. Theo quyết định này, HĐQT công ty thống nhất đồng ý các thành viên giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai như sau:

- + Ông Hồ Hoàng Đức Huy – Thành viên Hội đồng quản trị;
- + Ông Chu Sỹ Hoạt – Thành viên Hội đồng quản trị;
- + Ông Nguyễn Tường Cột – Thành viên Hội đồng quản trị.

• **Về thành viên Ban kiểm soát**

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai diễn ra ngày 30/04/2017, Đại hội đã thống nhất miễn nhiệm 01 thành viên Ban kiểm soát theo đơn xin từ nhiệm tại Đại hội gồm:

- + Bà Lý Thị Bắc: Từ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát ngày 30/04/2017.

- Tiến hành bầu bổ sung 01 thành viên vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018 gồm:

+ Ông Võ Sỹ Việt: Bầu Thành viên Ban kiểm soát ngày 30/04/2017

- Tại phiên họp Ban kiểm soát số 01/2017/BB-BKS ngày 03/05/2017 về việc bầu trưởng ban kiểm soát. Các thành viên thống nhất bầu Trưởng ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2013-2018 gồm:

+ Ông Võ Sỹ Việt: Bầu Trưởng ban kiểm soát ngày 03/05/2017.

***c) Chính sách đối với người lao động***

- Công tác tuyển dụng năm 2017 tích cực tuyển dụng nhân viên có năng lực, kinh nghiệm để đảm nhận tốt vai trò theo tính chất cần thiết và yêu cầu công việc. Tuyển dụng nhân sự cho bộ máy của mình, xây dựng đội ngũ, đẩy mạnh nhiều hoạt động đào tạo, tập huấn nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh dự bị cho việc quản lý, điều hành các dự án mới. Về công tác nhân sự, Công ty sắp xếp một số nhân sự hiện có, động viên CBCNV đào tạo để nâng cao trình độ để có đủ khả năng đảm nhận công việc theo yêu cầu mới.

- Tính đến 31/12/2017, tổng số nhân sự làm việc trong Công ty là 184 người, trong đó cán bộ quản lý là 27 người. Tuy nhiên việc tuyển dụng các nhân sự quản lý có năng lực còn gặp không ít khó khăn do nguồn cung lao động còn thiếu và sức hút lao động của Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai chưa cao.

***3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn***

***a) Các khoản đầu tư lớn***

Công ty đã hoàn thành việc mua lại 58.800.000 cổ phiếu cổ phần Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long, hiện tại công ty đang sở hữu 98% cổ phần. Theo đó công ty đã tiếp tục mua thêm 19.753.380 cổ phiếu cổ phần Công ty TNHH Sản Xuất – Thương mại – Dịch vụ Đồng Phú Hưng. Và đang sở hữu 98,787% cổ phần.

Công ty đã mở rộng được ngành nghề, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông. Những thành tựu mà Công ty đạt được khẳng định công ty đang từng bước chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa công tác quản lý nhằm tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguồn nhân lực, hệ thống quản lý và thị trường cho sự phát triển của Công ty trong những năm tới.

***b) Các công ty con***

**Thoái vốn tại Công ty Cổ phần khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên.**

+ Ngày 27/12/2017 chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên mà công ty đang nắm giữ theo QĐ số 18/QĐ- HĐQT ngày 27/12/2017.

+ Số lượng cổ phần : 12.076.630 cổ phần.

**Hiện nay, Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai đang sở hữu 3 công ty con gồm:**

- + Sở hữu 80% cổ phần Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku;
- + Sở hữu 98% cổ phần Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long;
- + Sở hữu 98,787% cổ phần công ty TNHH Sản Xuất – Thương mại – Dịch vụ Đồng Phú Hưng.

Việc trở thành Công ty mẹ của 3 Công ty này giúp mở rộng được ngành nghề, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông.

**4. Tình hình tài chính**

**a) Tình hình tài chính**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	247.452.119.951	2.344.704.137.557	+847,5%
2	Doanh thu thuần	199.350.896.615	233.290.966.243	+17,0%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.662.026.372	20.754.491.996	+41,6%
4	Lợi nhuận khác	159.420.822	(301.280.674)	-289,0%
5	Lợi nhuận trước thuế	14.821.447.194	20.453.211.322	+38,0%
6	Lợi nhuận sau thuế	11.590.995.349	15.003.753.442	+29,4%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	834	533	-36,1%

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	4.80	4.48	
	+ Hệ số thanh toán nhanh:	3.81	3.47	



	(TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.23	0.55	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.31	1.22	
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4	0.87	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.81	0.10	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.06	0.06	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.06	0.01	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.05	0.01	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ...	0.07	0.09	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a) Cổ phần**

- Tổng số cổ phiếu niêm yết: 101.177.353 cổ phiếu (Một trăm linh một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi ba cổ phiếu);
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi;
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết: 1.011.773.530.000 đồng (Một nghìn không trăm mười một tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng);
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.011.773.530 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu.

*b) Cơ cấu cổ đông*

<b>Tiêu chí phân loại</b>	<b>Cổ đông</b>	<b>Số lượng cổ đông</b>	<b>Số lượng cổ phiếu nắm giữ</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ (%)</b>	<b>Tổng cộng số cổ đông</b>	<b>Tổng cộng số cổ phiếu</b>
<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	Cổ đông lớn ( từ 5% trở lên)	4	55.352.788	54,709	<b>202</b>	<b>101.177.353</b>
	Cổ đông nhỏ	198	45.824.565	45,291		
<b>Loại cổ đông sở hữu</b>	Cổ đông tổ chức	12	20.002.906	19,770	<b>202</b>	<b>101.177.353</b>
	Cổ đông cá nhân	190	81.174.447	80,230		
<b>Cổ đông khác</b>	Cổ đông trong nước	194	101.078.743	99,903	<b>202</b>	<b>101.177.353</b>
	Cổ đông nước ngoài	8	98.610	0,097		

*(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 02/04/2018)*

*c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

- Chào bán cổ phiếu ra công chúng:  
Số lượng cổ phiếu phát hành: 84.284.865 cổ phiếu  
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông  
Mệnh giá : 10.000 đồng.
- Số lượng chào bán cổ phiếu ra công chúng đã phân phối: 84.284.865 cổ phiếu, chiếm 99,79% tổng số cổ phiếu được phép chào bán.
- Số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 168.924.880.000 đồng lên đồng 1.011.773.530.000 đồng.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

**a) Chính sách liên quan đến người lao động.**

- Tính tới thời điểm cuối năm 2017, tổng số nhân sự làm việc tại Công ty là 184 người. Trong đó, HĐQT là 3 người, Ban Giám đốc là 3 người, Ban kiểm soát là 2 người, cùng nhiều cán bộ quản lý khác đảm bảo khả năng quản lý, điều hành và vận hành Công ty;
- Toàn Công ty đảm bảo cho người lao động mức thu nhập tương xứng với năng lực và cạnh tranh so với thị trường. Quỹ lương năm 2017 là tăng so với

năm 2016 do điều chỉnh tăng lương cho CBCNV. Lương thưởng được áp dụng linh hoạt nhằm khuyến khích các CBCNV nỗ lực hoàn thành tốt công việc;

- Các khoản phụ cấp như: Phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp ca đêm,... được cộng thêm vào thu nhập hàng tháng, đảm bảo quyền lợi giúp người lao động yên tâm làm việc. Công ty áp dụng chính sách khen thưởng hàng năm như tháng lương thứ 13, xếp hạng khen thưởng cuối năm ABC, các dịp lễ tết, và cá nhân có thành tích xuất sắc... Chính sách này được áp dụng công bằng và xứng đáng cho CBCNV;

- Thực hiện đầy đủ chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật một cách kịp thời, nhanh chóng như: chế độ BHXH, BHYT, BHTN, chế độ nghỉ phép, ốm đau, thai sản,... Đảm bảo đời sống cho từng nhân viên để họ yên tâm công tác và đóng góp cho sự phát triển bền vững của Công ty;

- Đời sống của người lao động được cải thiện đáng kể, thu nhập người lao động năm sau cao hơn năm trước, điều kiện làm việc của cán bộ công nhân viên được quan tâm, đảm bảo, chế độ phúc lợi được nâng cao.

***b) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương.***

Là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực vận chuyển và bến bãi Công ty luôn ý thức rõ trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, địa phương. Suốt thời gian từ khi thành lập đến nay, công ty đã góp phần giải quyết vấn đề việc làm đối với nguồn nhân lực tại địa phương. Bên cạnh đó, với quy mô và chiến lược hoạt động rõ ràng Công ty còn giúp ổn định trật tự đối với các phương tiện vận chuyển góp phần vào sự phát triển của tỉnh nhà ngày càng văn minh, lịch sự.

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

***1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh***

Năm 2017, nền kinh tế Việt Nam phục hồi rõ nét và đạt tốc độ tăng trưởng cao so với kế hoạch đề ra và cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước; lạm phát giảm xuống mức thấp; Chính phủ đã kịp thời đưa ra các chính sách kích cầu và các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô nhằm ổn định nền kinh tế, giúp cho nền kinh tế từng bước phục hồi. Tình trạng suy thoái kinh tế giảm đã giúp các doanh nghiệp giảm bớt khó khăn. Cơ sở hạ tầng đường bộ đã được đầu tư nâng cấp. Tuy nhiên, vẫn còn đó các yếu tố bất lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải, thương mại và khai thác, chế biến khoáng sản, như: Tình trạng cạnh tranh gay gắt giữa các loại hình vận tải, phương tiện vận tải; tình trạng “xe dù, bến cóc” vẫn lộng hành; các hoạt động thương mại có lãi suất rất thấp; các sản phẩm từ chế biến khoáng sản khó tìm thấy đầu ra...; trong đó Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai cũng không là ngoại lệ.

Trong bối cảnh đó, Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã đề ra được hướng đi đúng đắn, phù hợp với điều

kiện phát triển, bên cạnh đó là sự nỗ lực không ngừng của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ, nhân viên Công ty đã phấn đấu đạt được kết quả nhất định.

Với tình hình như vậy, trong năm 2017 Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã có những thuận lợi, khó khăn như sau:

**Thuận lợi:**

- Công ty nhận được sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Ban Lãnh đạo về mọi mặt ;
- Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV của Công ty có sự đoàn kết nhất trí cao, tâm huyết vì mục tiêu phát triển của Công ty;
- Hoạt động kinh doanh của Công ty được mở rộng, không những chỉ cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ mà còn có cả các dịch vụ kèm theo như cho thuê văn phòng, cho thuê Kiot và kinh doanh thương mại...

**Khó khăn:**

- Tình trạng cạnh tranh gay gắt trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty: Thương mại - dịch vụ, bến xe - bãi đỗ, sản xuất - chế biến khoáng sản;
- Hiện tượng một số hãng xe tổ chức đón khách không qua bến, tình trạng xe dù hiện vẫn đang còn phổ biến ở địa bàn thành phố Pleiku là một bài toán nan giải của ngành giao thông vận tải tỉnh Gia Lai, có nhiều doanh nghiệp phá sản không đủ điều kiện tiếp tục kinh doanh vận tải hành khách;
- Nguồn lực về nhân sự quản lý của Công ty còn bị hạn chế, đội ngũ cán bộ quản lý còn mỏng, năng lực chuyên môn về quản lý còn chưa đáp ứng được với mô hình và quy mô phát triển hiện tại của Công ty.

**2. Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<b>1. Cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	16,60	0,97
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	85,54	85,02
- Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Lần	5,94	11,44
<b>2. Cơ cấu nguồn vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	23,39	54,93
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	76,61	45,07
<b>3. Khả năng thanh toán</b>			

- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,8	3,5
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,8	4,5
<b>4. Tỷ suất lợi nhuận</b>			
- LNTT/Tổng tài sản	%	6,0	0,9
- LNST/Doanh thu thuần	%	5,8	6,3
- LNST/Vốn chủ sở hữu	%	6,1	1,4

**a) Tình hình nợ phải trả:** Đối với chỉ số khả năng thanh toán nhanh đạt 3,5 lần và khả năng thanh toán hiện hành đạt 4,5 lần, cho thấy Công ty hoàn toàn có thể trả ngay tất cả các khoản nợ bằng tiền khi đến hạn và cùng một lúc tất cả các hợp đồng tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đồng thời các khoản nợ vay, lãi vay được thanh toán nhiều kỳ trong năm. Tuy nhiên các chỉ số này của Công ty hiện nay cao nên Ban điều hành Công ty sẽ có kế hoạch khai thác triệt để thế mạnh về vốn để nâng cao hiệu quả đầu tư trong năm tiếp theo.

**b) Tình hình tài sản:** Hiệu suất sử dụng TSCĐ năm 2017 là 11,44 lần tăng gấp 1,93 lần so với năm 2016 cho thấy công ty đang sử dụng TSCĐ một cách hiệu quả hơn.

**c) Các chỉ tiêu kế hoạch đã thực hiện:**

Với những công việc đã thực hiện trên, kết quả SXKD của Công ty năm 2017 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	SO SÁNH	
					Với kế hoạch 2017	Với năm 2016
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	220,000	233,290	106,04%	117,03%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	25,000	20,453	81,81%	138%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20,000	14,795	73,98%	127,75%
4	Lợi ích của cổ đông	Đồng		533		

**Đánh giá kết quả đạt được:**

Trong năm qua, trong bối cảnh nền kinh tế đất nước dần hồi phục, tình hình kinh doanh dịch vụ năm 2017 Công ty cổ phần ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai đã có được kết quả khả quan. Năm 2017 Doanh thu của Công ty thực hiện 233,290 tỷ đồng, đạt 106,04% so với kế hoạch. Điều này khẳng định sản xuất kinh doanh của Công ty đang trên đà phát triển ổn định.

Về lợi nhuận, năm 2017 Công ty không đạt kế hoạch đề ra. Cụ thể: Lợi nhuận trước thuế thực hiện 20.453.211.322 đồng, đạt 81,81 % so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế thực hiện 14.795.127.375 đồng, đạt 73,98 % so với kế hoạch năm 2017. Nguyên nhân lợi nhuận đạt thấp so với kế hoạch là do việc đề ra kế hoạch chi phí chưa thật khách quan cũng như việc kiểm soát chi phí chưa hiệu quả, nhưng Công ty đã có ý thức gia tăng tiết kiệm các khoản chi phí nhằm bảo toàn lợi ích tối đa cho các cổ đông.

**Chi tiết cơ cấu doanh thu năm 2017 như sau:**

<b>STT</b>	<b>Sản Phẩm</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Tỷ lệ/DT</b>
<b>I</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>233.290.966.243</b>	<b>100,00%</b>
1.	Dịch vụ qua bên	15.534.642.368	6,66%
2.	Dịch vụ vận chuyển	13.032.932.184	5,59%
3.	Bán đậu nành	11.582.827.000	4,96%
4.	Bán đá	145.181.650.191	62,23%
5.	Bán phân bón	46.886.214.500	20,09%
6.	Công trình xây lắp	1.072.700.000	0,47%

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2017 thì một số mảng như doanh thu bán đá 62,23% ; doanh thu bán phân bón 20,09%, doanh thu vận chuyển 5,59%, doanh thu dịch vụ qua bên 6,66%. Còn lại các lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng không đáng kể nhưng cũng đóng góp một phần tạo nên cơ cấu doanh thu chung của Công ty

Những thành tựu mà Công ty đạt được khẳng định công ty đang từng bước chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa công tác quản lý nhằm tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguồn nhân lực, hệ thống quản lý và thị trường cho sự phát triển của Công ty trong những năm tới.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

**a) Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý:**

➤ Trong năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành và địa phương tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện

kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; kiên định mục tiêu tăng trưởng đề ra, ban hành kịp thời các Nghị quyết, Chỉ thị nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy sản xuất; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện, theo dõi sát diễn biến tình hình quốc tế, có đối sách, biện pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời.

➤ Kiện toàn bộ tổ chức hoạt động của Công ty, cập nhật, hoàn thiện, điều chỉnh, cải tiến các quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư trong từng thời kỳ.

***b) Các biện pháp kiểm soát:***

Trong năm qua, mặc dù tình hình kinh doanh trong lĩnh vực vận tải lĩnh vực cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên các chỉ tiêu SXKD chính như Doanh thu và Lợi nhuận vẫn được Công ty duy trì và có chỉ số tăng trưởng rất đáng ghi nhận. Kết quả đạt được như trên là do:

➤ Chủ trương và phương hướng lãnh đạo của Hội đồng quản trị hoàn toàn xuyên suốt và đúng đắn, phù hợp với môi trường kinh doanh và các nguồn lực, điều kiện hiện có của Công ty.

➤ Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV của Công ty đã tập trung về mọi mặt để đảm bảo Công ty hoạt động tốt đồng thời khai thác tối đa mọi nguồn lực để đảm bảo Công ty hoạt động liên tục.

➤ Công ty đã quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, kiểm soát toàn bộ quá trình vận hành hệ thống xe buýt... đảm bảo hiệu quả SXKD đạt mức tối ưu.

➤ Xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2000...

➤ Các nguồn vốn đã được cơ cấu lại một cách hợp lý để giảm đến mức thấp nhất chi phí vốn vay...

➤ Tích cực hoàn thiện công tác quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm và phát triển thị trường để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

***4. Kế hoạch phát triển trong tương lai***

***a) Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2018:***

- Doanh thu : 300 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 50 tỷ đồng

***b) Các căn cứ lập kế hoạch:***

➤ *Công tác kinh doanh:*

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy thế mạnh của kết quả hoạt động những năm đã qua, đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị, quản lý lao động, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, duy trì các đối tác,

khách hàng truyền thống, đồng thời tìm kiếm, mở rộng thị trường ... đảm bảo tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận từ 10 % trở lên so với năm trước.

➤ *Chiến lược nhân sự và công tác xây dựng bộ máy:*

- Nhân sự luôn là vấn đề nòng cốt và đi đầu cho sự phát triển của Công ty. Chính vì vậy, Ban Giám đốc sẽ tập trung nghiên cứu, đề ra các chính sách để khuyến khích lực lượng cán bộ - nhân viên và cán bộ chủ chốt hiện đang cống hiến gắn bó với Công ty, đồng thời thực hiện chính sách thu hút nhân tài, nhất là cán bộ cấp cao có đủ năng lực trình độ về làm việc cho Công ty;

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, phân cấp, ủy quyền quản lý, phát huy tính năng động, sáng tạo và tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật Nhà nước.

- Duy trì và cải tiến các quy trình của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2000.

- Điều chỉnh, cải tiến các quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư trong từng thời kỳ.

➤ *Công tác quản trị tài chính kế toán:*

- Công tác hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời và hiệu quả tuân thủ theo các quy định về hạch toán hiện hành, đảm bảo cân đối được nguồn vốn để triển khai được các dự án của Công ty và cũng để thực hiện thành công chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của Nhà nước đối với hoạt động của Công ty, các định chế tài chính và khách hàng để tư vấn, đem lại hiệu quả cao cho Công ty, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông cũng như khách hàng. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

➤ *Công tác đầu tư:*

Tập trung nghiên cứu và thực hiện các dự án bên xe mang thương hiệu Đức Long Gia Lai rộng ra khắp cả nước, nghiên cứu kỹ phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn để phù hợp với thực tế và thị trường nhằm đạt hiệu quả cao. Trong năm 2017 - 2018 tập trung vào:

+ Dự án mở tuyến phục vụ vận tải hành khách công cộng;

+ Mở rộng được ngành nghề kinh doanh, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông.

**5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

Với sứ mệnh “**Nâng tầm cao mới, vững tiến xa hơn**” Công ty luôn quan tâm đến vấn đề nguồn nhân lực hàng đầu. Có một nguồn nhân sự tốt mới có thể



vận hành bộ máy của Công ty một cách trơn tru và hoàn thành các kế hoạch, mục tiêu đề ra. Công ty luôn đồng hành cùng sự phát triển bền vững, tích cực tham gia vào các chương trình, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương. Đồng thời tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với từng công nhân viên tại Công ty để xây dựng một môi trường sống và làm việc “xanh, sạch, đẹp”.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

- Trong năm 2017, nền kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi, kinh tế Việt Nam trong năm 2018 có nhiều dấu hiệu khả quan hơn năm 2017 và các năm trước, với ổn định kinh tế vĩ mô được duy trì vững chắc, tăng trưởng kinh tế phục hồi rõ nét và đồng đều, thị trường tài chính có những chuyển biến tích cực, cân đối ngân sách được cải thiện. Khó khăn của doanh nghiệp cũng đã được giảm bớt, thị trường chứng khoán khởi sắc, thị trường BĐS được nhận định là đã phát triển theo hướng bền vững.v.v... Tuy nhiên, vẫn còn đó một số khó khăn: Sức mua của thị trường giảm, giá cả vật tư và các mặt hàng khác có xu hướng không giảm, người dân thắt chặt chi tiêu, tác động đến một thị trường tiêu dùng không nhỏ và làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và Công ty CP Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai cũng không là ngoại lệ.

- Năm 2017 nhà nước tiếp tục đầu tư cho cơ sở hạ tầng, tập trung hoàn thiện các công trình kết cấu hạ tầng giao thông trên tất cả các lĩnh vực từ đường bộ - đường sắt - cảng biển - đường thủy và hàng không; đồng thời đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm chấn chỉnh và đưa hoạt động kinh doanh vận tải vào nề nếp, như: Thực hiện mạnh mẽ công tác kiểm soát tải trọng phương tiện, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động vận tải, tạo sự hợp lý hơn trong thị phần vận tải, góp phần kiềm chế tai nạn giao thông; triển khai ký cam kết về thực hiện kiểm soát tải trọng phương tiện đến các doanh nghiệp; chấn chỉnh công tác an toàn giao thông, công tác quản lý, điều hành vận tải... Đây là các chủ trương đúng đắn, tạo ra một số thuận lợi, nhưng đồng thời cũng tạo ra không ít khó khăn cho các doanh nghiệp vận tải và dịch vụ bến bãi triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình;

- Tình trạng "xe dù, bến cóc" tồn tại nhiều năm trên địa bàn thành phố Pleiku, nhất là vào dịp cuối năm, đã làm ảnh hưởng và gây không ít khó khăn cho hoạt động của Bến xe; Giá cả nông sản luôn biến động và ngày càng có xu hướng giảm sâu, làm cho sức mua và lượng tiền đưa vào đầu tư, tái canh và chăm sóc cây trồng giảm nhiều... dẫn tới hoạt động kinh doanh vật tư nông nghiệp và phân bón cũng bị sụt giảm kéo dài.

- Trước những khó khăn trên, HĐQT đã đề ra những chủ trương giải quyết kịp thời những vướng mắc từ thực tế, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, tập trung mọi nguồn lực, chủ động đề ra nhiều giải pháp thích hợp để thực hiện

các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã đề ra.

Tóm lại, nắm bắt những định hướng trọng tâm và chỉ đạo xuyên suốt của HĐQT DL1, Hội đồng quản trị Công ty luôn quan tâm và tìm biện pháp tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đồng thời phát huy tiềm năng và khai thác hợp lý các lợi thế của Doanh nghiệp, đầu tư khai thác thị trường mới, sản phẩm mới và không ngừng khẳng định uy tín, chất lượng và thương hiệu, cùng với các Bên xe khác của DLGL Group tạo thành một hệ thống Bên xe tiêu chuẩn loại I của Việt Nam; tạo sức lan tỏa mạnh mẽ đến khu vực và cả nước bằng hệ thống quản lý chuyên nghiệp, dịch vụ hiện đại, phong cách phục vụ văn minh và môi trường văn hóa mang đậm bản sắc DLGL GROUP.

***a) Kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017:***

**Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017:**

- Doanh thu đạt **233.290.966.243 đồng**, đạt 106,04 % so với kế hoạch năm 2017 và tăng 1,17 lần so với cùng kỳ năm 2016;
- Lợi nhuận trước thuế đạt **20.453.211.322 đồng**, đạt 81,81 % so với kế hoạch năm 2017 và tăng 1,38 lần so với cùng kỳ năm 2016;
- Lợi nhuận sau thuế: thực hiện **14.795.127.375 đồng**, đạt 73,98 % so với kế hoạch năm 2017 và tăng 1,28 lần so với cùng kỳ năm 2016;
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: **533 đồng**.

Từ kết quả thực hiện kế hoạch năm 2017 cho thấy: Doanh thu vượt 106,04% so với kế hoạch năm 2017 là nhờ nỗ lực của Ban điều hành và đội ngũ CBCNV trong việc đẩy mạnh các hoạt động thương mại dịch vụ và các hoạt động dịch vụ vận tải: Vận động các doanh nghiệp vận tải đưa xe vào bến, giúp tăng trưởng số lượng doanh nghiệp và đầu xe đăng ký hoạt động và từ đó tăng các dịch vụ đi kèm. Tuy nhiên, việc đề ra kế hoạch chi phí chưa thật khách quan cũng như việc kiểm soát chi phí chưa hiệu quả đã dẫn đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu lợi nhuận năm 2017 còn khá thấp so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, kết quả đạt được cũng đã thể hiện sự tăng trưởng vượt bậc so với các năm trước.

***b) Công tác đầu tư:***

Hiện nay, Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai đang sở hữu 98% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long, 98,787% cổ phần Công ty TNHH Sản Xuất – Thương mại – Dịch vụ Đồng Phú Hưng và 80% cổ phần Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku, giúp mở rộng được ngành nghề, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông. Tinh gọn lại các lĩnh vực và ngành nghề kém hiệu quả để thúc đẩy chỉ số tăng trưởng, qua đó trong năm 2017 Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai đã thoái vốn Công ty CP Khoáng sản Luyện Kim Tây Nguyên.

***c) Công tác khác:***

Với nhiệm vụ tổ chức sản xuất kinh doanh chính là ngành dịch vụ bãi đỗ đón trả khách, dịch vụ xe buýt, Công ty đã làm tốt chức năng phục vụ nhu cầu đi lại của hành khách và hỗ trợ hoạt động của các doanh nghiệp vận tải.

Ngoài ra, Công ty đã thực hiện tốt các nội dung sau:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bến bãi khang trang, hiện đại theo hướng kết hợp giữa khai thác bến xe với khai thác thương mại dịch vụ;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ hành khách và các doanh nghiệp vận tải; xây dựng thái độ tác phong ứng xử chuẩn mực của CBCNV.
- Tập trung xây dựng thương hiệu, xây dựng Bến Xe Đức Long Gia Lai đạt tiêu chuẩn Bến xe, nhà ga an toàn, văn minh;
- Thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường;
- Tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại Bến xe trong năm 2017 được giữ vững, không xảy ra vụ việc phức tạp. Công tác phòng cháy chữa cháy được thực hiện tốt, tạo môi trường an toàn, trật tự, nâng cao chất lượng phục vụ hành khách và hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, đơn vị vận tải hoạt động, góp phần vào sự phát triển kinh tế của địa phương;
- Công ty đã xây dựng quy chế về tổ chức điều hành, thu chi tài chính minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhằm tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của công ty. Thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho tất cả người lao động. Trong năm không có những thay đổi lớn về chính sách đối với người lao động.

So với các doanh nghiệp trên địa bàn, Công ty CP đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai có một tập thể cán bộ lãnh đạo và đội ngũ công nhân viên đoàn kết nhất trí, Công ty đảm bảo công ăn việc làm và đời sống cho người lao động, duy trì có hiệu quả công tác quản lý và giữ vững uy tín đã gây dựng từ ngày thành lập đến nay.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc**

- Trong năm 2017, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát, qua các cuộc họp định kỳ hàng quý và tổ chức họp đột xuất trong các trường hợp cần giải quyết công việc khẩn cấp. Ban Giám đốc định kỳ báo cáo HĐQT hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐQT, các khó khăn và thuận lợi trong điều hành. Từ đó HĐQT phối hợp với Ban Giám đốc để đề ra các giải pháp tháo gỡ, khắc phục khó khăn, nỗ lực đạt kế hoạch đã đề ra.

- Công tác giám sát đối với Giám đốc được thực hiện thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Công ty, bám sát mục tiêu, kế hoạch do HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của Ban Giám đốc.
- Nhìn chung, Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; trong quá trình tác nghiệp, chưa phát hiện các vi phạm Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

**3. Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2018.**

Bước vào năm 2018, tình hình thế giới năm 2018 dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, tốc độ phát triển kinh tế phục hồi chậm, không đồng đều, nhiều chính sách thiếu ổn định, khu vực doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn và còn rủi ro. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp. Tuy nhiên, bên cạnh đó, những kết quả đạt được các năm vừa qua của nền kinh tế vừa là tiền đề và vừa là điều kiện thuận lợi để Công ty đề ra chương trình kế hoạch phù hợp năm 2018.

Nắm bắt được xu thế và sự khắc nghiệt của nền kinh tế thị trường tác động vào các doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn mở cửa mạnh mẽ của nền kinh tế, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã có những giải pháp và hướng đi mới, kịp thời và phù hợp với xu thế tất yếu của nền kinh tế, đó là: Thống nhất mục tiêu đưa doanh nghiệp phát triển bền vững, theo hướng đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh, ngoài ngành nghề kinh doanh truyền thống làm cốt lõi, trong năm 2018 Công ty tập trung các nguồn lực đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư để huy động nguồn lực từ bên ngoài.

Công ty CP ĐTPT DV CTCC ĐLGL luôn vững tin với những kết quả đạt được và trên tinh thần “Nói và Làm”, HĐQT sẽ cụ thể hóa Nghị quyết của Đại hội cổ đông, chỉ đạo quyết liệt Ban Giám đốc bằng những hành động cụ thể, tập trung thật tốt công tác quản lý và triển khai các hoạt động dịch vụ, mở rộng kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng cao nhất doanh thu và lợi nhuận, đáp ứng nhiều hơn nữa niềm kỳ vọng mà cổ đông tin tưởng, giao phó với các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm .

**❖ Định hướng các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD 2018:**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Kế hoạch 2018</b>
1	Doanh thu	Tỷ đồng	300
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	50

**a) Các mục tiêu phấn đấu**

- Đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu của năm 2018 và các năm tiếp theo do Đại hội đề ra;
- Nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp vận tải và các đối tác hoạt động. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài khu vực bến xe;
- Tìm kiếm các đối tác, các nhà phân phối, nông trường, nông trại có uy tín, năng lực và quy mô tốt để mở rộng phân phối và phát triển hơn nữa lĩnh vực vật tư nông nghiệp tại địa bàn các tỉnh khu vực Tây nguyên.
- Nhanh chóng ổn định tổ chức sau khi hoán đổi cổ phiếu và triển khai có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mới được sáp nhập;
- Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

**b) Các giải pháp chủ yếu của HĐQT để chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:**

- Duy trì các hoạt động giám sát, chỉ đạo điều hành của HĐQT và nâng cao năng lực hoạt động của các thành viên HĐQT đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Mọi hoạt động của HĐQT đều phải nằm trong khuôn khổ của pháp luật, Điều lệ, Quy định của Công ty. Các thành viên HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thành mọi nhiệm vụ mà HĐQT giao phó; đồng thời phải đảm bảo tính công khai, minh bạch và tuân thủ pháp luật.
- Chỉ đạo và hỗ trợ cho Ban Giám đốc không ngừng nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành, sâu sát với thực tiễn sản xuất kinh doanh và thực hiện đúng chiến lược, các mục tiêu, chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

**4. Tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017**

**a) Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018 được Đại hội cổ đông thường niên và đại hội cổ đông bất thường năm 2017 bầu ra gồm 05 thành viên, gồm các Ông: Trần Cao Châu, Ông Nguyễn Tuyên, Ông Nguyễn Tường Cột, Ông Hồ Hoàng Đức Huy, Ông Chu Sỹ Hoạt.

Ngay sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp để đánh giá kết quả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đồng thời ra các quyết định cụ thể nhằm thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ông Trần Cao Châu đã được các thành viên HĐQT tín nhiệm bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ mới.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức hoạt động đúng Quy chế quản trị, Điều lệ Công ty; theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, luôn đảm bảo sự đồng thuận trong nội bộ, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, liên tục điều chỉnh đối sách phù hợp với tình hình thực tế. Nhìn chung, các cuộc

họp của HĐQT đã được tổ chức một cách chu đáo, đúng luật, đạt được sự nhất trí cao.

Các văn bản ban hành đúng thể thức, quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của HĐQT đã được Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, đã góp phần quan trọng trong việc quyết định các chính sách, đường lối hoạt động, chiến lược phát triển của DL1 và giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HĐQT đơn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo đúng hạn, chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017, các thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty Cổ phần ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên không nhận thù lao. Riêng có 01 thành viên Chủ tịch HĐQT được nhận thù lao theo thỏa thuận và phù hợp với Nghị quyết đại hội.

Thông qua Đại hội kỳ này, HĐQT dự kiến thông qua Đại hội miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT và bổ nhiệm mới 01 thành viên HĐQT để đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành đem lại hiệu quả cao nhất, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty trong tình hình mới.

❖ **Thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị:**

Theo Nghị quyết số 01 /NQ-ĐHĐCĐ2017 của Đại hội đồng cổ đông năm thường niên 2017 thì mức thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên Hội đồng quản trị: 2.000.000 đồng/tháng/người

Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai không nhận thù lao.

Kết quả thực hiện: Trong năm đã chi thù lao cho Chủ tịch HĐQT là 5.000.000 đồng/tháng. Riêng các thành viên khác tự nguyện không nhận thù lao.

Trong năm, Công ty đã tạo mọi điều kiện về kinh phí để các thành viên HĐQT hoạt động có hiệu quả.

***b) Các cuộc họp và kết luận của Hội đồng quản trị***

- Trong năm 2017, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

- Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp HĐQT; qua đó HĐQT đã ban hành được 01 Nghị quyết và 18 Quyết định để thực hiện các nội dung thông qua tại các cuộc họp.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT-DL1	20/02/2017	Về việc thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT
2	02/QĐ-HĐQT-DL1	13/03/2017	Về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự ĐHCĐ và ngày tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017.
3	03/QĐ-HĐQT-DL1	27/03/2017	Về việc điều chỉnh loại chứng khoán cho các cổ đông nắm giữ cổ phiếu chào bán riêng lẻ để hoán đổi cổ phần với Công ty Cổ phần khoáng sản và luyện kim Tây nguyên
4	05/QĐ-HĐQT-DL1	03/06/2017	Về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự ĐHCĐ bất thường và ngày tổ chức ĐHCĐ bất thường lần 1 năm 2017
5	06/QĐ-HĐQT-DL1	24/06/2017	Về việc điều chỉnh loại chứng khoán cho người sở hữu chứng khoán
6	07/QĐ-HĐQT-DL1	28/06/2017	Về việc thay đổi thời gian tổ chức ĐHCĐ bất thường năm 2017
7	08/2017/QĐ-HĐQT	17/07/2017	Về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 2017
8	09/2017 QĐ-HĐQT	17/07/2017	Về việc Công ty cam kết tuân thủ quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định 58/2012/NĐ- CP và Khoản 7 điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ- CP.
9	10/2017/QĐ-HĐQT	17/07/2017	Về việc hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán cho đối tượng khác khi cổ đông hiện hữu không mua hết.
10	11/2017/QĐ-HĐQT-	17/07/2017	Về việc cam kết tuân thủ khoản 3 điều 1 Nghị định 60/2015 NĐ- CP.
11	12/2017 QĐ-HĐQT	17/07/2017	Về việc thông qua hồ sơ phát hành Cổ phiếu cho Cổ Đông hiện hữu 2017.
12	03/NQ- HĐQT	06/09/2017	Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm năm 2017 của cổ đông hiện hữu.
13	13/QĐ- HĐQT	15/09/2017	Về việc thay đổi tài khoản phong tỏa để thu tiền trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
14	04/2017/QĐ- HĐQT	27/10/2017	Về việc gia hạn thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
15	14/QĐ- HĐQT	17/11/2017	Về việc thông qua nội dung sửa đổi điều 5, điều lệ công ty.
16	15/QĐ- HĐQT	20/11/2017	Về việc tăng vốn điều lệ.
17	16/QĐ- HĐQT	28/11/2017	Về việc điều chỉnh bổ sung nội dung giấy CNĐT
18	17/QĐ- HĐQT	29/11/2017	Về việc Ủy nhiệm người quản lý vốn góp công ty CP Đầu tư Xây Dựng Vạn Gia Long và Công ty TNHH SX- TM- DV Đồng Phú Hưng.
19	18/QĐ- HĐQT	27/12/2017	Về việc thoái vốn tại Công ty CP Khoáng Sản và luyện kim Tây Nguyên.

Ngoài các cuộc họp, Chủ tịch HĐQT đã có những buổi hội ý, thảo luận giữa HĐQT với Ban Giám đốc và hàng trăm cuộc điện đàm, trao đổi, giữa các thành viên HĐQT với Ban điều hành để thống nhất biện pháp triển khai thực hiện các chủ trương của Đại hội cổ đông và HĐQT.

- Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng thể thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo quy định của Điều lệ. Do vậy, các nội dung được HĐQT thông qua luôn được sự nhất trí và đồng thuận cao, tạo điều kiện rất thuận lợi trong việc đưa các Nghị quyết của HĐQT vào thực tế sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Các thành viên HĐQT có tinh thần đoàn kết, thể hiện hết tinh thần trách nhiệm và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ.

***c) Công tác giám sát đối với các cán bộ quản lý khác:***

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy; giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ quản lý thông qua các cuộc họp phân công và các đợt kiểm tra; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm, điều động CBCNV vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Nhìn chung các cán bộ quản lý đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, tận tụy, sự mẫn cán trong công việc và đã tham mưu cho Ban điều hành kịp thời, hiệu quả.



- Đối với các cán bộ quản lý khác, HĐQT căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành, làm thước đo để đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm, điều động vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Thực hiện đúng và đầy đủ công tác kiểm toán định kỳ hằng năm.

***d) Định hướng phát triển các ngành nghề như sau:***

- Định hướng của DL1 trong thời gian đến sẽ tiếp tục tập trung vào các ngành nghề chiến lược: Đầu tư kinh doanh bất động sản đa sản phẩm; đồng thời sẽ đầu tư có chọn lọc một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống hiện đang đem lại hiệu quả.

- Lãnh đạo DL1 cho biết, việc sáp nhập 2 công ty bất động sản, đồng thời trở thành chủ sở hữu 2 dự án Bất động sản tại quận 7, quận 8, TP.HCM là bước đi đầu tiên đánh dấu sự hiện diện của thương hiệu DL1 trên thị trường bất động sản TP.HCM. 2 dự án này khi hoàn thành và bàn giao nhà sẽ ghi nhận doanh thu 3.400 tỷ đồng và lợi nhuận gần 1.000 tỷ, tạo tiền đề để DL1 đầu tư mở rộng, tăng trưởng vượt bậc trong thời gian tới.

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

***1. Hội đồng quản trị***

***a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị***

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1.	Ông Trần Cao Châu	Chủ tịch	0	0%	
2.	Ông Hồ Hoàng Đức Huy	Ủy viên	0	0%	
3.	Ông Nguyễn Tuyển	Ủy viên	0	0%	
4.	Ông Nguyễn Tường Cột	Ủy viên	965,700	5,72%	
5.	Ông Chu Sỹ Hoạt	Ủy viên	2,553	0,02%	

***b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị***

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu cho HĐQT.

Ngoài các cuộc họp theo định kỳ, Chủ tịch HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp hội ý thường trực HĐQT với ban Giám Đốc, đồng thời liên tục trao đổi, thống nhất chủ trương giữa các thành viên HĐQT.

***2. Ban kiểm soát***

***a) Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát***

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Võ Sỹ Việt	Trưởng ban	0	0%	
2	Trần Thị Kim Cúc	Thành viên	2,555	0,015%	
3	Vũ Văn Nghĩa	Thành viên	0	0%	

***b) Hoạt động của Ban kiểm soát.***

- Trong năm qua, Ban Kiểm soát của Công ty vẫn duy trì nhân sự gồm có 03 người. Các hoạt động chính yếu của Ban Kiểm soát gồm có:
- Tham gia một số cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc;
- Xem xét, thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị hàng quý và cả năm của công ty;
- Kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán các kỳ báo cáo tài chính và đột xuất khi có yêu cầu.
- Tổ chức thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch SXKD; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm, báo cáo tình hình kinh doanh của công ty và tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Tham gia đóng góp ý kiến về việc ban hành quy chế, quy định quản lý nội bộ.
- Xem xét công tác lãnh đạo, chỉ đạo của HĐQT, việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của Ban giám đốc.
- Ban kiểm soát luôn nhận được đầy đủ các thông tin và các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.
- Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát được diễn ra rất chặt chẽ. Ban kiểm soát luôn được mời tham dự các cuộc họp với HĐQT và/hoặc Ban Giám đốc Công ty liên quan đến chiến lược phát triển và đánh giá tình hình hoạt động SXKD của Công ty.
- Hoạt động khác của Ban Kiểm soát: Không có
- Trong năm 2017 Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban kiểm soát nhằm đánh giá, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Để các hoạt động của Công ty được hoạt động minh bạch theo đúng quy định trong Điều lệ, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và vì lợi ích của các cổ đông trong Công ty.

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Ngày họp</b>	<b>Nội dung chi tiết</b>	<b>Kết quả</b>
1	Bầu trưởng BKS và phân công nhiệm vụ các thành viên trong ban	25/4/2016	- Bầu chức danh Trưởng ban - Đề ra kế hoạch làm việc của BKS năm 2016. - Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong ban.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%
2	Họp 6 tháng đầu năm 2016	01/7/2016	Đánh giá kết quả thực hiện kiểm soát 6 tháng đầu năm, Xây dựng kế hoạch công việc 6 tháng cuối năm 2016	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%
3	Họp quý 4 và tổng kết năm 2016	04/01/2017	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ quý 4, tổng kết năm 2016 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2017.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%

***c) Kết quả giám sát hoạt động và tài chính của công ty.***

- HĐQT có 05 thành viên trong đó 04 thành viên không trực tiếp điều hành hoạt động SXKD. HĐQT trong năm qua đã luôn duy trì chế độ họp thường kỳ, đột xuất bằng hình thức tập trung để ban hành các Nghị quyết, Quyết định kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền;
- HĐQT công ty đã xây dựng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn phù hợp tình hình phát triển nền kinh tế nói chung và năng lực của Công ty trong giai đoạn hiện nay. Nghị quyết của HĐQT đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Pháp luật hiện hành;
- Ban Giám đốc chỉ đạo điều hành Công ty theo đúng Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT, tuân thủ luật pháp. Kết quả đạt được: doanh thu (thuần) tăng 17,03 %, lợi nhuận sau thuế 27,75% so với năm trước, trong bối cảnh kinh tế chung đang rất khó khăn là một thành tích đáng trân trọng và doanh thu đạt 106,04%, lợi nhuận đạt 73,98% so với kế hoạch Đại hội cổ đông đề ra.
- Cho đến tại thời điểm này, Ban Kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính của Công ty;
- Qua các kỳ kiểm tra Ban Kiểm soát xem xét báo cáo đồng ý với đánh giá về tình hình hoạt động SXKD, báo cáo Tài chính của HĐQT, Ban Giám đốc đưa ra và báo cáo của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC. Qua việc thực hiện kiểm toán, tình hình hoạt động tài chính của Công ty là lành mạnh. Công ty thực hiện tốt công tác lập hệ thống sổ sách, chứng từ và các văn bản quy định pháp quy hiện hành.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

**a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích**

- **Mức thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị**
  - Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
  - Các thành viên Hội đồng quản trị: 2.000.000 đồng/tháng.
  - Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty sẽ không nhận thù lao.
- **Mức thù lao của thành viên Ban kiểm soát**
  - Trưởng ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.
  - Các thành viên Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng.
  - Trường hợp thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm công việc tại Công ty sẽ không nhận thù lao.
- **Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên HĐQT, ban kiểm soát sẽ được thưởng:**
  - 1% (một phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm.
  - 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.
- Trong năm 2017, đã chi thù lao cho Chủ tịch HĐQT là 5.000.000 đồng/tháng. Riêng các thành viên khác tự nguyện không nhận thù lao.

**b) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Công ty luôn chấp hành pháp luật về quản trị công ty. Để thực hiện hiệu quả trong hoạt động của công ty trong tương lai, Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai tập trung thực hiện các kế hoạch như sau: Nâng cao năng lực quản trị điều hành của Ban lãnh đạo; kiện toàn đội ngũ nhân sự, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự có đủ năng lực chuyên môn và đạo đức lối sống để thực hiện tốt các công việc của Công ty; tăng cường giám sát hoạt động của các phòng ban chuyên môn, thực hiện tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết để mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng và nâng cao hiệu quả vốn; chuẩn hóa các quy trình cung cấp dịch vụ, áp dụng công nghệ quản lý hiện đại theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000; tăng cường công tác bảo vệ an ninh để bảo vệ tài sản và cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty.

## KẾT LUẬN

Năm 2017 vừa qua, với những biến động của nền kinh tế; các cơ chế, chủ trương đầu tư cơ sở hạ tầng ngành giao thông của Chính phủ; sự cạnh tranh gay gắt của các loại hình vận tải cùng với việc thị trường giá nhiên liệu liên tục được điều chỉnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động ngành dịch vụ vận tải. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai đã cùng chung sức, phát huy thế mạnh, vượt qua khó khăn, đạt được những kết quả đáng ghi nhận như đã được trình bày trong báo cáo.

Nhìn lại một năm đã qua, những bài học được đúc kết kinh nghiệm cho con đường phát triển của Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai, HĐQT và Ban Lãnh đạo cùng Tập thể CBCNV nhận thấy còn rất nhiều công việc phải làm trong năm 2017 cũng như các năm tới. Tập thể Công ty với một tinh thần đoàn kết, cùng nhau quyết tâm hoàn thành xuất sắc kế hoạch giai đoạn 2018-2023 để hiện thực hoá tầm nhìn: “DL1 trở thành doanh nghiệp phát triển bền vững và đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư để huy động tốt nhất các nguồn lực từ bên ngoài”.

Ngoài lĩnh vực kinh doanh bến xe, bãi đỗ vận tải hành khách thì Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai đang chú trọng mở rộng phát triển bền vững, đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh ngoài ngành nghề kinh doanh truyền thống. Tích cực hoàn thiện công tác quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm và phát triển thị trường để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

Rất mong quý cổ đông và nhà đầu tư chia sẻ và ủng hộ cho HĐQT và ban lãnh đạo Công ty để từng bước vượt qua khó khăn hiện tại, tạo tiền đề vững chắc để phát triển bền vững trong năm 2018 và những năm tiếp theo ./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



NGUYỄN TƯỜNG CỘT



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT  
TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG  
CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 39



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900437257 ngày 21/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 16 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/11/2017). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 27/2010/GCNCP-VSD - 4 ngày 28/01/2010 với mã chứng khoán DL1. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 10/03/2010.

Vốn điều lệ: 1.011.753.530.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2017: 1.011.753.530.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (84) 0269 3829021
- Fax: (84) 0269 3829021
- Website: <http://www.dl1.com.vn>

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Buôn bán hàng tiêu dùng (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, bán buôn nông sản (trừ mủ cao su) (không hoạt động tại trụ sở chính) (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ gỗ);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán phân bón, bán buôn cao su thành phẩm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn cà phê;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không hoạt động đấu giá);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng rừng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Chi tiết: Chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ thương mại;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: May thuê công nghiệp;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới. Chi tiết: Dệt các loại dây phục vụ ngành may như: Dây luồn áo, dây cột giày, dây lõi để dệt dây khóa kéo;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; Hoạt động của các ngầm đường thủy.

### Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 84 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 17 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                        |            |  |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Trần Cao Châu    | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 21/04/2016                                 |
| • Ông Nguyễn Tuyên     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/04/2017                                 |
| • Ông Hồ Hoàng Đức Huy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/07/2017                                 |
| • Ông Nguyễn Tường Cọt | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/07/2017                                 |
| • Ông Chu Sỹ Hoạt      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/07/2017                                 |
| • Ông Phạm Anh Hùng    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26/05/2013<br>Từ nhiệm ngày 14/06/2017     |
| • Ông Nguyễn Đình Trạc | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 13/05/2014<br>Từ nhiệm ngày 26/06/2017 |
| • Ông Bùi Pháp         | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 13/05/2014<br>Từ nhiệm ngày 07/06/2017 |
| • Ông Lê Hoàng Ngọc    | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 13/05/2014<br>Từ nhiệm ngày 20/02/2017 |

### Ban kiểm soát

- |                       |            |  |
|-----------------------|------------|--|
| • Ông Võ Sỹ Việt      | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 03/05/2017                               |
| • Bà Trần Thị Kim Cúc | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 15/09/2009<br>Miễn nhiệm ngày 03/05/2017 |
|                       | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 03/05/2017                               |
| • Ông Vũ Văn Nghĩa    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/05/2015                               |
| • Bà Lý Thị Bắc       | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26/05/2013<br>Miễn nhiệm ngày 30/04/2017 |

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                         |                |                          |
|-------------------------|----------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Tường Cột  | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 06/05/2016 |
| • Ông Chu Sỹ Hoạt       | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 06/05/2016 |
| • Ông Phạm Tiến Dũng    | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 14/05/2010 |
| • Bà Hà Thị Phương Oanh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 21/12/2007 |

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 06 tháng 04 năm 2018



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 667/2018/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con được lập ngày 29/03/2018, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H  
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN  
AAC

Trần Thị Thọ Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 04 năm 2018

Đỗ Thị Phương Thủy – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2014-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.993.565.022.732</b>	<b>211.665.115.378</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>100.595.929.464</b>	<b>3.484.499.492</b>
1. Tiền	111	5	29.343.404.263	3.484.499.492
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	71.252.525.201	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.416.002.691.457</b>	<b>164.034.821.922</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	127.829.920.866	119.637.425.338
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.221.936.843.306	5.351.962.043
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9.a	55.378.504.900	37.275.797.861
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	11.003.413.265	1.915.627.560
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(145.990.880)	(145.990.880)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>450.946.858.819</b>	<b>43.618.998.401</b>
1. Hàng tồn kho	141		450.946.858.819	43.618.998.401
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.019.542.992</b>	<b>526.795.563</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	321.630.279	526.795.563
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.696.912.713	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.000.000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>351.139.114.825</b>	<b>35.787.004.573</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>271.071.586.702</b>	<b>184.400.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9.b	241.593.122.662	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	29.478.464.040	184.400.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.648.851.481</b>	<b>33.662.216.805</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	22.579.120.261	33.578.546.835
- Nguyên giá	222		40.619.269.549	72.447.230.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.040.149.288)	(38.868.684.127)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	69.731.220	83.669.970
- Nguyên giá	228		170.135.000	219.689.110
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100.403.780)	(136.019.140)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>57.418.676.642</b>	<b>1.940.387.768</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	659.732.330	694.609.303
2. Lợi thế thương mại	269	16	56.758.944.312	1.245.778.465
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.344.704.137.557</b>	<b>247.452.119.951</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>1.287.926.823.338</b>	<b>57.883.439.788</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>444.849.009.617</b>	<b>44.063.739.470</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	49.056.560.453	7.479.386.084
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18.a	88.399.563.000	67.000.000
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	19	3.025.951.335	2.637.397.711
4. Phải trả người lao động	314		860.631.275	553.991.314
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	7.176.129.237	39.704.031
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	36.043.434	182.371.212
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22.a	14.998.079.908	6.804.391.057
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23.a	280.468.790.908	25.406.637.994
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		827.260.067	892.860.067
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>843.077.813.721</b>	<b>13.819.700.318</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	18.b	326.513.869.541	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	22.b	495.078.970.607	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23.b	21.484.973.573	13.559.628.300
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	260.072.018
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.056.777.314.219</b>	<b>189.568.680.163</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>1.056.777.314.219</b>	<b>189.568.680.163</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	1.011.773.530.000	168.924.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.011.773.530.000	168.924.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24	1.049.485.820	1.255.735.820
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	663.498.805	663.498.805
4. Lợi nhuận sau thuế CPP	421	24	26.460.400.370	11.665.272.995
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.665.272.995	83.944.907
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.795.127.375	11.581.328.088
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		16.830.399.224	7.059.292.543
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.344.704.137.557</b>	<b>247.452.119.951</b>



Nguyễn Trương Cọt

Gia Lai, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
 KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN  
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	233.290.966.243	199.350.896.615
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		233.290.966.243	199.350.896.615
4. Giá vốn hàng bán	11	26	215.700.207.816	180.075.977.213
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		<u>17.590.758.427</u>	<u>19.274.919.402</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	11.899.288.630	2.416.746.467
7. Chi phí tài chính	22	28	2.968.812.854	2.168.254.910
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.968.812.854	2.168.254.910
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	29.a	1.233.848.535	1.147.603.143
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	4.532.893.672	3.713.781.444
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>20.754.491.996</u>	<u>14.662.026.372</u>
12. Thu nhập khác	31	30	1.263.080.212	193.541.419
13. Chi phí khác	32	31	1.564.360.886	34.120.597
14. Lợi nhuận khác	40		<u>(301.280.674)</u>	<u>159.420.822</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>20.453.211.322</u>	<u>14.821.447.194</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	5.709.529.898	2.970.379.827
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(260.072.018)	260.072.018
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>15.003.753.442</u>	<u>11.590.995.349</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		14.795.127.375	11.581.328.088
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		208.626.067	9.667.261
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	533	834
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		533	834



Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN  
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.453.211.322	14.821.447.194
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02		4.266.555.896	4.161.596.842
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	27	(11.899.288.630)	(2.416.746.467)
- Chi phí lãi vay	06	28	2.968.812.854	2.168.254.910
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		15.789.291.442	18.734.552.479
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(74.855.377.974)	(10.360.630.254)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.259.250.955)	(1.900.227.590)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		128.943.884.270	(3.614.033.604)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		204.737.030	(12.065.361)
- Tiền lãi vay đã trả	14	20, 22, 28	(1.995.175.694)	(2.032.566.148)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(3.183.211.696)	(2.388.005.989)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(65.600.000)	(62.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>49.579.296.423</b>	<b>(1.635.676.467)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(105.617.200)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	9	(109.990.300.000)	(21.290.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	9	45.956.253.077	22.070.086.292
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(748.420.550.112)	1.766.234.986
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(15.176.530)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10, 27	5.457.858.025	925.310.365
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(807.011.915.540)</b>	<b>3.366.014.443</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	24	842.792.550.000	(121.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	23	24.211.869.089	3.214.159.890
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	23	(12.460.370.000)	(2.513.089.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>854.544.049.089</b>	<b>580.070.890</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>97.111.429.972</b>	<b>2.310.408.866</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	3.484.499.492	1.174.090.626
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	5	<b>100.595.929.464</b>	<b>3.484.499.492</b>



Nguyễn Trường Cột

Gia Lai, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900437257 ngày 21/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 16 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/11/2017). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ vận chuyển hành khách; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Buôn bán hàng tiêu dùng (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, bán buôn nông sản (trừ mủ cao su) (không hoạt động tại trụ sở chính) (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ gỗ);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán phân bón, bán buôn cao su thành phẩm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Cát, tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại trưng tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn cà phê;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không hoạt động đấu giá);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng rừng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Chi tiết: Chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ thương mại;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: May thêu công nghiệp;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới. Chi tiết: Dệt các loại dây phục vụ ngành may như: Dây luồn áo, dây cột giày, dây lõi để dệt dây khóa kéo;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; Hoạt động của các ngàm đường thủy.

### **1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty và 4 Công ty con. Tất cả các công ty con đã

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

được hợp nhất vào Báo cáo tài chính, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong kỳ, Công ty thoái vốn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên ngày 28/12/2017 và tăng vốn góp đạt được quyền kiểm soát tại 2 Công ty là Công ty TNHH SX-TMDV Đồng Phú Hưng và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long ngày 17/11/2017.

### Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 4 công ty)

#### 1. Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 KCN Trà Đa, Xã Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, sỏi, đất sét; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Vốn điều lệ: 125.766.300.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 96,02%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 96,02%.
- Tình trạng hoạt động: Thoái vốn ngày 28/12/2017.

#### 2. Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không mua bán gỗ); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mua bán phân bón); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### 3. Công ty TNHH SX – TMDV Đồng Phú Hưng

- Địa chỉ trụ sở chính: 149 – 151 đường 9A KDC Trung Sơn, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng nhà các loại; Đại lý, môi giới, đấu giá; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Trồng cây lâu năm khác; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Nuôi

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

trồng thủy sản nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất các loại dây bện và lưới.

- o Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98,787%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98,787%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **4. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long**

- o Địa chỉ trụ sở chính: 149 – 151 đường 9A KDC Trung Sơn, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
  - o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh Bất động sản.
  - o Vốn điều lệ: 600.000.000.000 đồng.
  - o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98%.
  - o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

##### **4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty mẹ và các công ty con.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

### **Loại trừ các giao dịch nội bộ**

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4.1.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

#### **4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.3 Các khoản cho vay**

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	4,5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

### **4.7 Tài sản cố định vô hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5 - 8

### **4.8 Thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.10 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.12 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Khoản chi phí phải trả của Công ty gồm chi phí lãi vay được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay và khoản chi phí tư vấn phát hành phải trả.

### **4.13 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

### **4.14 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.16 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.17 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.20 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
  - ✓ Hoạt động vận tải khách bằng xe buýt, kinh doanh phân bón, hoạt động nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Hoạt động kinh doanh đá, các dịch vụ khác (cho thuê bãi, dịch vụ bến, bến đỗ, cho thuê xe...): Áp dụng thuế suất 10%;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### 4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	4.983.802.967	2.794.789.792
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.359.601.296	689.709.700
<b>Cộng</b>	<b>29.343.404.263</b>	<b>3.484.499.492</b>

### 6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền gửi kỳ hạn 2 tháng (Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Quận 4)	71.252.525.201	-
<b>Cộng</b>	<b>71.252.525.201</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Bùi Văn Tịnh (*)	48.857.214.328	-
Nguyễn Minh Tuấn (*)	30.535.764.012	-
Trần Xuân Sang (*)	42.750.057.480	-
Công ty CP Đầu tư Quốc tế Sài Gòn	-	106.000.000.000
Các đối tượng khác	5.686.885.046	13.637.425.338
<b>Cộng</b>	<b><u>127.829.920.866</u></b>	<b><u>119.637.425.338</u></b>

(\*) Nợ phải thu các cá nhân liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên vào ngày 28/12/2017. Thời hạn phải thanh toán theo hợp đồng là 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP ĐTXD & TM ANSEN CY	100.000.000.000	-
Nguyễn Thanh Lâm	390.050.000.000	-
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	300.000.000.000	-
Công ty CP DLG CY Việt Nam	275.000.000.000	-
Cty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Việt	11.720.810.800	-
Công ty Cổ phần Phú Lâm	50.000.000.000	-
Các đối tượng khác	95.166.032.506	5.351.962.043
<b>Cộng</b>	<b><u>1.221.936.843.306</u></b>	<b><u>5.351.962.043</u></b>

### 9. Phải thu về cho vay

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Cho mượn tiền (*)	55.378.504.900	37.275.797.861
- Phùng Ngọc Cảnh	10.645.000.000	-
- Trần Bửu Kiều	9.938.000.000	-
- Trần Thị Hồng	2.685.000.000	-
- Đặng Công Bình	7.470.504.900	10.800.000.000
- Hồ Thị Thu	7.840.000.000	6.090.000.000
- Hồ Sĩ Hậu	16.800.000.000	-
- Nguyễn Thanh Hồng	-	8.425.683.861
- Nguyễn Thanh Lâm	-	860.114.000
- Trần Thị Thu Trang	-	6.700.000.000
- Lê Thanh Tuấn	-	4.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>55.378.504.900</u></b>	<b><u>37.275.797.861</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(\*) Cho các cá nhân mượn tiền không có tài sản thế chấp theo các hợp đồng cho mượn tiền cụ thể. Thời gian cho mượn trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho mượn từ 6% - 9,5%/năm.

**b. Dài hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
<b>Cho vay, cho mượn</b>		
Nguyễn Tấn Đạt (1)	216.590.423.247	-
Nguyễn Thắng (2)	17.106.000.000	-
Các đối tượng khác	7.896.699.415	-
<b>Cộng</b>	<u><u>241.593.122.662</u></u>	<u><u>-</u></u>

(1) Cho ông Nguyễn Tấn Đạt vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 05/HĐV/ĐPH/2017 ngày 20/11/2017 và số 02/HĐV/VGL/2017 ngày 21/11/2017 với mục đích cá nhân, không có tài sản thế chấp, lãi suất 5%/năm. Thời hạn cho vay là 36 tháng tính theo từng lần vay.

(2) Cho Ông Nguyễn Thắng mượn tiền theo Hợp đồng cho mượn số 04/2017/HĐ ngày 01/07/2017 với lãi suất cho mượn là 6%/năm, thời hạn mượn 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng mượn không có tài sản đảm bảo.

**10. Phải thu khác**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ông Lê Phú Hà	145.990.880	(145.990.880)	145.990.880	(145.990.880)
Lãi dự thu	9.013.781.335	-	1.491.436.102	-
Tạm ứng	1.344.073.982	-	241.914.738	-
Phải thu khác	499.567.068	-	36.285.840	-
<b>Cộng</b>	<u><u>11.003.413.265</u></u>	<u><u>(145.990.880)</u></u>	<u><u>1.915.627.560</u></u>	<u><u>(145.990.880)</u></u>

**b. Dài hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	29.478.464.040	-	184.400.000	-
<b>Cộng</b>	<u><u>29.478.464.040</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>184.400.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	145.990.880	145.990.880
<b>Cộng</b>	<b>145.990.880</b>	<b>145.990.880</b>

#### b. Nợ xấu

	31/12/2017			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khác - Lê Phú Hà	145.990.880	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>145.990.880</b>	<b>-</b>		

	01/01/2017			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khác - Lê Phú Hà	145.990.880	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>145.990.880</b>	<b>-</b>		

(\*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào giá gốc khoản phải thu trừ đi mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	6.998.668.219	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	14.300.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	450.946.858.819	-	13.819.141.685	-
Thành phẩm	-	-	4.685.272.692	-
Hàng hóa	-	-	18.101.615.805	-
<b>Cộng</b>	<b>450.946.858.819</b>	<b>-</b>	<b>43.618.998.401</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2017.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2017.

**13. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Vé, hóa đơn GTGT kiêm lệnh xuất kho	69.690.909	76.343.939
Chi phí lớp, sơn yếm ô tô	142.143.611	236.642.660
Chi phí bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm thân thể	67.845.548	80.256.484
Chi phí định vị, bảo trì phần mềm, phí đường bộ	11.106.710	22.999.806
Chi phí sửa chữa	18.933.918	97.550.700
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	11.909.583	13.001.974
<b>Cộng</b>	<b>321.630.279</b>	<b>526.795.563</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	372.561.828	82.401.781
Chi phí sửa chữa lớn	287.170.502	612.207.522
<b>Cộng</b>	<b>659.732.330</b>	<b>694.609.303</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	39.818.162.796	20.821.368.622	11.630.348.044	177.351.500	72.447.230.962
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Thay đổi do hợp nhất	(13.056.165.923)	(20.821.368.622)	2.159.524.632	(109.951.500)	(31.827.961.413)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>26.761.996.873</b>	<b>-</b>	<b>13.789.872.676</b>	<b>67.400.000</b>	<b>40.619.269.549</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu kỳ	14.780.684.246	17.030.983.912	6.879.664.469	177.351.500	38.868.684.127
Khấu hao trong kỳ	2.022.609.081	1.330.209.290	1.091.220.340	-	4.444.038.711
Thay đổi do hợp nhất	(6.233.442.664)	(18.361.193.202)	(567.986.184)	(109.951.500)	(25.272.573.550)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.569.850.663</b>	<b>-</b>	<b>7.402.898.625</b>	<b>67.400.000</b>	<b>18.040.149.288</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	25.037.478.550	3.790.384.710	4.750.683.575	-	33.578.546.835
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>16.192.146.210</b>	<b>-</b>	<b>6.386.974.051</b>	<b>-</b>	<b>22.579.120.261</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017 là 5.960.704.870 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 4.289.173.516 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	219.689.110	219.689.110
Giảm do hợp nhất	49.554.110	49.554.110
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>170.135.000</b>	<b>170.135.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu kỳ	136.019.140	136.019.140
Khấu hao trong kỳ	13.938.750	13.938.750
Giảm do hợp nhất	49.554.110	49.554.110
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>100.403.780</b>	<b>100.403.780</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	83.669.970	83.669.970
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>69.731.220</b>	<b>69.731.220</b>

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 58.625.000 đồng.

**16. Lợi thế thương mại**

	31/12/2017	01/01/2017
Lợi thế thương mại đầu kỳ	1.245.778.465	-
Lợi thế thương mại phát sinh trong kỳ	57.477.411.962	1.346.787.530
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	1.964.246.115	101.009.065
<b>Lợi thế thương mại cuối kỳ</b>	<b>56.758.944.312</b>	<b>1.245.778.465</b>

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	21.012.150.250	697.230.500
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	22.881.260.144	3.446.781.300
Các đối tượng khác	5.163.150.059	3.335.374.284
<b>Cộng</b>	<b>49.056.560.453</b>	<b>7.479.386.084</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. Người mua trả tiền trước**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP XD và KD địa ốc Tân Kỳ	7.997.563.000	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - CN Q4 HCM	80.000.000.000	-
Các đối tượng khác	402.000.000	67.000.000
<b>Cộng</b>	<b>88.399.563.000</b>	<b>67.000.000</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Các đối tượng đặt cọc mua căn hộ	326.513.869.541	-
<b>Cộng</b>	<b>326.513.869.541</b>	<b>-</b>

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Số cuối kỳ	
					Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	41.079.151	16.145.220.896	16.047.635.130	(42.767.491)	-	95.897.426
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.198.924.807	5.709.529.898	3.183.211.696	(812.310.656)	-	2.912.932.353
Thuế thu nhập cá nhân	-	31.040.974	13.199.762	(719.656)	-	17.121.556
Thuế tài nguyên	37.800.000	-	-	(37.800.000)	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	75.272.971	1.226.929.864	1.302.202.835	-	-	-
Các loại thuế khác	-	119.256.200	120.256.200	-	1.000.000	-
Phí và lệ phí	1.284.320.782	468.935.972	460.319.437	(1.292.937.317)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.637.397.711</b>	<b>23.700.913.804</b>	<b>21.126.825.060</b>	<b>(2.186.535.120)</b>	<b>1.000.000</b>	<b>3.025.951.335</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Lãi vay phải trả	7.042.795.904	39.704.031
Các khoản chi phí phải trả khác	133.333.333	-
<b>Cộng</b>	<b>7.176.129.237</b>	<b>39.704.031</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	36.043.434	182.371.212
<b>Cộng</b>	<b>36.043.434</b>	<b>182.371.212</b>

### 22. Phải trả khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	-	1.403.318
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	6.500.461	207.637.300
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.890.000.000	-
Phải trả khác	1.101.579.447	6.595.350.439
- <i>Cổ tức phải trả</i>	109.000	6.149.182.132
- <i>Tiền đặt cọc thuê kiot, bến bãi, tiền cọc của nhân viên</i>	343.849.940	333.849.940
- <i>Lãi vay phải trả</i>	92.523.742	102.797.870
- <i>Phải trả khác</i>	665.096.765	9.520.497
<b>Cộng</b>	<b>14.998.079.908</b>	<b>6.804.391.057</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	495.000.000.000	-
Lãi vay phải trả	78.970.607	-
<b>Cộng</b>	<b>495.078.970.607</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản tiền nhận từ Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai theo các Hợp đồng hợp tác đầu tư sau:

- Hợp đồng đầu tư tài chính trung hạn số 1205/HĐĐTTC-DLG-DPH ngày 12/05/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 1205A/PLHĐĐTTC-DLGL-DPH ngày 15/05/2016. Theo đó, Công ty TNHH SX-TMDV Đồng Phú Hưng (Công ty con) đã hợp tác với Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai để đầu tư Dự án nhà ở cao tầng Đức Long Newland tại số 1016 đường Tạ Quang Bửu, phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng số tiền là 200 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư của Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai là 195 tỷ đồng. Thời hạn đầu tư là 03 năm, mức lợi nhuận được xác định bằng tỷ lệ phần trăm số tiền hợp tác đầu tư trên tổng vốn đầu tư nhân với tổng lợi nhuận.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hợp đồng đầu tư tài chính trung hạn số 01005/HĐĐTTC-DLG-VGL ngày 10/05/2016; Phụ lục Hợp đồng số 01005A/PLHĐĐTTC-DLGL-VGL ngày 12/05/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐĐTTC-DLGL-VGL ngày 30/11/2017. Theo đó, Công ty Cp Đầu tư – Xây dựng Vạn Gia Long (Công ty con) đã hợp tác với Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai để đầu tư Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ và căn hộ cao cấp Sunshine Apartment tại phường Tân Thuận Tây, quận 7, TP Hồ Chí Minh với tổng số tiền là 1.421 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư của Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai là 300 tỷ đồng. Thời hạn đầu tư là 03 năm, mức lợi nhuận được xác định bằng tỷ lệ phần trăm số tiền hợp tác đầu tư trên tổng vốn đầu tư nhân với tổng lợi nhuận.

### 23. Vay và nợ thuê tài chính

#### a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	16.332.637.994	251.833.238.825	10.843.284.089	40.870.000	278.968.290.908
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	16.332.637.994	(23.537.198.548)	7.245.430.554	40.870.000	-
- Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên	-	25.996.700.000	-	-	25.996.700.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Nam Gia Lai	-	-	3.500.000.000	-	3.500.000.000
- Trái phiếu thương	-	249.373.737.373	97.853.535	-	249.471.590.908
Vay dài hạn đến hạn trả	9.074.000.000	44.000.000	3.502.000.000	11.119.500.000	1.500.500.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Lai	150.000.000	-	-	137.500.000	12.500.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở Giao dịch	960.000.000	-	960.000.000	960.000.000	960.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	7.964.000.000	-	1.970.000.000	9.934.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Quận 4	-	44.000.000	572.000.000	88.000.000	528.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.406.637.994</b>	<b>251.877.238.825</b>	<b>14.345.284.089</b>	<b>11.160.370.000</b>	<b>280.468.790.908</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Đầu kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	22.633.628.300	(597.239.727)	13.368.585.000	12.419.500.000	22.985.473.573
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Lai (1)	150.000.000	-	-	137.500.000	12.500.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở Giao dịch (2)	2.560.000.000	-	-	960.000.000	1.600.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	19.923.628.300	(9.989.628.300)	-	9.934.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Quận 4 (3)	-	2.122.000.000	-	88.000.000	2.034.000.000
- Công ty CP ĐT&KD Bất động sản Đức Long Gia Lai (4)	-	2.770.388.573	13.368.585.000	1.300.000.000	14.838.973.573
- Nguyễn Hoàng Giang (5)	-	4.500.000.000	-	-	4.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.633.628.300</b>	<b>(597.239.727)</b>	<b>13.368.585.000</b>	<b>12.419.500.000</b>	<b>22.985.473.573</b>
<i>Trong đó:</i>					
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	9.074.000.000				1.500.500.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>13.559.628.300</b>				<b>21.484.973.573</b>

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng số 1682/HĐCV/PN/TCB-PLU ngày 26/12/2013 để mua ô tô phục vụ mục đích đi lại. Theo đó, tổng số tiền vay là 600.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 27/12/2013), lãi suất theo Hợp đồng là 13,9%/năm, được cố định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu và sẽ được điều chỉnh từ tháng thứ 4 trở đi.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc dân – Sở giao dịch theo Hợp đồng tín dụng số 051/14/HĐTD/101-63 ngày 20/08/2014 để mua ô tô 4 chỗ Land Rover phục vụ mục đích đi lại và kinh doanh. Theo đó, tổng số tiền vay là 4.800.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 20/08/2014), lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, được thay đổi sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên hoặc khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay (có thể được áp dụng theo quy định của pháp luật) tăng lên.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi nhánh Quận 4 theo Hợp đồng tín dụng số 1027/16/HĐCV/101-40 ngày 04/11/2016. Số tiền vay là 2.650.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất vay là 9%/năm trong vòng 9 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện mua xe ô tô Porsche Macan 2.0L. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng cầm cố số 976/2016/HĐTC/101-40 ngày 04/11/2016.
- Vay dài hạn Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai theo hợp đồng tín dụng số 08/HĐV/BĐS/2017 ngày 01/01/2017. Số tiền vay là 20.336.628.813 đồng, thời hạn vay là 36 tháng. Lãi suất vay là 5%/năm Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án đầu tư Golden land.
- Vay dài hạn Ông Nguyễn Hoàng Giang theo hợp đồng tín dụng số 04/HĐV/VGL/2017 ngày

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

01/01/2017. Số tiền vay là 5.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng. Lãi suất vay là 0%/năm  
 Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án đầu tư Golden land.

**24. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2016	31.420.260.000	-	9.032.658.805	8.453.104.907	48.906.023.712
Tăng trong kỳ	137.504.620.000	1.376.735.820	-	11.581.328.088	150.462.683.908
Giảm trong kỳ	-	121.000.000	8.369.160.000	8.369.160.000	16.859.320.000
Số dư tại 31/12/2016	<u>168.924.880.000</u>	<u>1.255.735.820</u>	<u>663.498.805</u>	<u>11.665.272.995</u>	<u>182.509.387.620</u>
Số dư tại 01/01/2017	168.924.880.000	1.255.735.820	663.498.805	11.665.272.995	182.509.387.620
Tăng trong kỳ	842.848.650.000	-	-	14.795.127.375	857.643.777.375
Giảm trong kỳ	-	206.250.000	-	-	206.250.000
Số dư tại 31/12/2017	<u>1.011.773.530.000</u>	<u>1.049.485.820</u>	<u>663.498.805</u>	<u>26.460.400.370</u>	<u>1.039.946.914.995</u>

**b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm 2017	Năm 2016
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	168.924.880.000	31.420.260.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	842.848.650.000	137.504.620.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	1.011.773.530.000	168.924.880.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	-

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	101.177.353	16.892.488
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	101.177.353	16.892.488
- Cổ phiếu phổ thông	101.177.353	16.892.488
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	101.177.353	16.892.488
- Cổ phiếu phổ thông	101.177.353	16.892.488
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	11.665.272.995	8.453.104.907
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	14.795.127.375	11.581.328.088
Phân phối lợi nhuận	-	8.369.160.000
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	-	8.369.160.000
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	8.369.160.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>26.460.400.370</b>	<b>11.665.272.995</b>

### 25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	13.032.932.184	12.595.369.642
Doanh thu dịch vụ bến bãi	15.534.642.368	15.979.275.811
Doanh thu bán đậu nành	11.582.827.000	7.587.645.000
Doanh thu bán đá	145.181.650.191	99.170.092.162
Doanh thu bán phân bón	46.886.214.500	64.018.514.000
Doanh thu công trình xây lắp	1.072.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>233.290.966.243</b>	<b>199.350.896.615</b>

### 26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	7.008.733.209	6.336.636.442
Giá vốn dịch vụ bến bãi	4.976.193.273	4.209.926.063
Giá vốn bán đậu nành	11.481.600.000	7.542.210.000
Giá vốn bán đá	144.361.556.334	98.180.531.708
Giá vốn bán phân bón	46.841.125.000	63.806.673.000
Giá vốn công trình xây lắp	1.031.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>215.700.207.816</b>	<b>180.075.977.213</b>

### 27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.303.786.588	2.416.746.467
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	2.595.502.042	-
<b>Cộng</b>	<b>11.899.288.630</b>	<b>2.416.746.467</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 28. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí lãi vay	2.968.812.854	2.168.254.910
<b>Cộng</b>	<b>2.968.812.854</b>	<b>2.168.254.910</b>

### 29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nhân công	1.188.873.531	1.026.162.552
Các khoản khác	44.975.004	121.440.591
<b>Cộng</b>	<b>1.233.848.535</b>	<b>1.147.603.143</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Phân bổ lợi thế thương mại	853.146.403	101.009.065
Chi phí nhân công	1.897.054.848	1.834.522.023
Chi phí khấu hao	819.598.962	804.133.950
Các khoản khác	963.093.459	974.116.406
<b>Cộng</b>	<b>4.532.893.672</b>	<b>3.713.781.444</b>

### 30. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con	1.044.567.968	193.541.419
Phí thanh lý chuyển nhượng căn hộ	167.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	51.512.244	-
<b>Cộng</b>	<b>1.263.080.212</b>	<b>193.541.419</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. Chi phí khác**

	Năm 2017	Năm 2016
Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp	613.851.334	20.428.089
Chi phí bồi thường hợp đồng	729.157.718	-
Các khoản khác	221.351.834	13.692.508
<b>Cộng</b>	<b>1.564.360.886</b>	<b>34.120.597</b>

**32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.453.211.322	14.821.447.194
<b>Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>699.817.228</b>	<b>30.451.938</b>
- Điều chỉnh tăng	2.948.194.935	1.561.765.839
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	253.364.115	20.428.089
+ Phân bổ lợi thế thương mại	853.146.403	101.009.065
+ Lỗi tại Công ty con	192.514.379	1.385.386.177
+ Điều chỉnh dự phòng đã trích lập/ hoàn nhập	1.300.360.089	-
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	348.809.949	54.942.508
- Điều chỉnh giảm	2.248.377.707	1.531.313.901
+ Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con	1.044.567.968	193.541.419
+ Lãi do thoái vốn công ty con	2.595.502.042	-
+ Điều chỉnh dự phòng đã trích lập	-	1.300.360.089
+ Chuyển lỗ của công ty con	(1.391.692.303)	37.412.393
Tổng thu nhập chịu thuế	21.153.028.550	14.851.899.132
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.709.529.898</b>	<b>2.970.379.827</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	4.230.605.709	2.970.379.827
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	1.478.924.189	-

**33. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	14.795.127.375	11.581.328.088
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.795.127.375	11.581.328.088
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	27.745.608	13.889.829
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>533</b>	<b>834</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(\*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi. Kế hoạch đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích cụ thể. Hằng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được, Ban điều hành sẽ đề xuất số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

### 34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.167.013.448	3.833.136.900
Chi phí nhân công	5.516.109.941	4.567.405.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.457.977.461	4.254.129.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.495.478.639	4.779.815.466
Chi phí khác bằng tiền	2.971.277.586	1.958.988.648
<b>Cộng</b>	<b>32.607.857.075</b>	<b>19.393.475.825</b>

### 35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Báo cáo bộ phận phân biệt theo lĩnh vực kinh doanh:

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	Dịch vụ vận chuyển và bến bãi		Bán đá		Bán đấu nành, phân bón		Hoạt động khác		Cộng	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.567.574.552	28.574.645.453	145.181.650.191	99.170.092.162	58.469.041.500	71.606.159.000	1.072.700.000	-	233.290.966.243	199.350.896.615
Giá vốn hàng bán	11.984.926.482	10.546.562.505	144.361.556.334	98.180.531.708	58.322.725.000	71.348.883.000	1.031.000.000	-	215.700.207.816	180.075.977.213
Lợi nhuận gộp của bộ phận kinh doanh	16.582.648.070	18.028.082.948	820.093.857	989.560.454	146.316.500	257.276.000	41.700.000	-	17.590.758.427	19.274.919.402
Doanh thu HĐ tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	11.899.288.630	2.416.746.467
Chi phí tài chính	255.734.602	347.051.069	2.413.412.918	1.821.203.841	18.123.287	-	281.542.047	-	2.968.812.854	2.168.254.910
Chi phí bán hàng	1.147.011.498	1.080.704.794	86.837.037	66.898.349	-	-	-	-	1.233.848.535	1.147.603.143
Chi phí quản lý DN	3.839.827.172	2.766.573.952	415.899.305	830.067.076	162.315.480	117.140.416	114.851.715	-	4.532.893.672	3.713.781.444
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	11.340.074.798	13.833.753.133	(2.096.055.403)	(1.728.608.812)	(34.122.267)	140.135.584	(354.693.762)	-	20.754.491.996	14.662.026.372
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản cố định hữu hình	19.432.085.610	21.575.393.330	-	12.003.153.505	-	-	3.147.034.651	-	22.579.120.261	33.578.546.835
- Nguyên giá	36.674.971.367	36.674.971.367	-	35.772.259.595	-	-	3.944.298.182	-	40.619.269.549	72.447.230.962
- Hao mòn lũy kế	(17.242.885.757)	(15.099.578.037)	-	(23.769.106.090)	-	-	(797.263.531)	-	(18.040.149.288)	(38.868.684.127)
Tài sản cố định vô hình	69.731.220	83.669.970	-	-	-	-	-	-	69.731.220	83.669.970
- Nguyên giá	170.135.000	170.135.000	-	49.554.110	-	-	-	-	170.135.000	219.689.110
- Hao mòn lũy kế	(100.403.780)	(86.465.030)	-	(49.554.110)	-	-	-	-	(100.403.780)	(136.019.140)
Phải thu khách hàng	800.460.198	663.325.078	-	3.092.106.762	4.886.424.848	9.881.993.498	122.143.035.820	-	127.829.920.866	13.637.425.338
Trả trước cho người bán	-	3.376.779.388	-	1.975.182.655	-	-	1.221.936.843.306	-	1.221.936.843.306	5.351.962.043
Phải trả người bán	411.024.719	175.881.051	21.012.150.250	7.303.505.033	1.324.692.500	-	26.308.692.984	-	49.056.560.453	7.479.386.084
Người mua trả tiền trước	402.000.000	67.000.000	-	-	-	-	87.997.563.000	-	88.399.563.000	67.000.000

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **36. Quản lý rủi ro**

#### **a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### **b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào. Nguyên liệu đầu vào của công ty chủ yếu là xăng dầu và các sản phẩm liên quan đến việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển. Hàng hóa của Công ty là các sản phẩm đá, đậu nành, phân bón. Giá bán xăng dầu không có sự chênh lệch giữa các nhà cung cấp. Đối với việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển, Công ty có chính sách khảo sát giá của nhiều nhà cung cấp khác nhau, sau đó lựa chọn nhà cung cấp phù hợp. Đối với hàng hóa (đá, đậu nành, phân bón), Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa nguồn cung cấp của Công ty. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận thấy rủi ro trọng yếu đối với việc thay đổi giá nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào là ở mức thấp.

#### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Cụ thể, rủi ro đối với các khoản phải thu từ hoạt động xây lắp là tương đối cao do chịu ảnh hưởng chung từ khó khăn hiện nay của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; rủi ro đối với các khoản phải thu từ bán hàng hóa với các khách hàng thường xuyên là tương đối thấp. Để quản lý rủi ro này, Công ty luôn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

Tiền gửi ngắn hạn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín và được bảo hiểm tiền gửi.

Các khoản đầu tư được Ban Giám đốc quan tâm và thường xuyên theo dõi tình hình kinh doanh của các công ty đầu tư, đối với các công ty có kết quả kinh doanh lỗ, vốn chủ sở hữu tổn thất thì Công ty đã trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đối với các khoản cho cá nhân và tổ chức vay, công ty luôn có chính sách tín dụng phù hợp, thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2017</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	49.056.560.453	-	49.056.560.453
Chi phí phải trả	7.176.129.237	-	7.176.129.237
Vay và nợ thuê tài chính	280.468.790.908	21.484.973.573	301.953.764.481
Phải trả khác	14.991.579.447	495.078.970.607	510.070.550.054
<b>Cộng</b>	<b><u>351.693.060.045</u></b>	<b><u>516.563.944.180</u></b>	<b><u>868.257.004.225</u></b>
<u>01/01/2017</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	7.479.386.084	-	7.479.386.084
Chi phí phải trả	39.704.031	-	39.704.031
Vay và nợ thuê tài chính	25.406.637.994	13.559.628.300	38.966.266.294
Phải trả khác	6.595.350.439	-	6.595.350.439
<b>Cộng</b>	<b><u>39.521.078.548</u></b>	<b><u>13.559.628.300</u></b>	<b><u>53.080.706.848</u></b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2017</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.595.929.464	-	100.595.929.464
Phải thu khách hàng	127.829.920.866	-	127.829.920.866
Phải thu về cho vay	55.378.504.900	241.593.122.662	296.971.627.562
Phải thu khác	9.513.348.403	29.478.464.040	38.991.812.443
<b>Cộng</b>	<b>293.317.703.633</b>	<b>271.071.586.702</b>	<b>564.389.290.335</b>

<u>01/01/2017</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.484.499.492	-	3.484.499.492
Phải thu khách hàng	119.637.425.338	-	119.637.425.338
Phải thu về cho vay	37.275.797.861	-	37.275.797.861
Phải thu khác	1.527.721.942	184.400.000	1.712.121.942
<b>Cộng</b>	<b>161.925.444.633</b>	<b>184.400.000</b>	<b>162.109.844.633</b>

**37. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương Ban Giám đốc	479.934.948	382.013.055

**38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**39. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh